

BÀI TẬP THỰC HÀNH WIRESHARK

MSSV : **18120113**

Lớp : **18CTT1**

Họ và Tên : **Nguyễn Chánh Đại**

Lưu ý :

- Bài tập cá nhân.
- Sinh viên làm bài trên đề bài sau.
- Cần chụp hình và ghi chú rõ ràng cho các câu trả lời.
- Nộp bài với file **MSSV_BTTH02.zip**, bao gồm file báo cáo **MSSV_BTTH02.pdf** và các files lưu thông tin các gói tin được bắt bởi Wireshark **MSSV_DHCP.pcap** (Câu 3), **MSSV_ICMP.pcap** (Câu 4).
- Các bài làm giống nhau sẽ nhận điểm 0.
- Chỉ nhận bài tập tại phần nộp bài của Website môn học, không nhận bài theo hình thức khác.

Câu 1. Cho tập tin FTP_01.cap, đọc tập tin này bằng Wireshark và trả lời các câu hỏi sau :

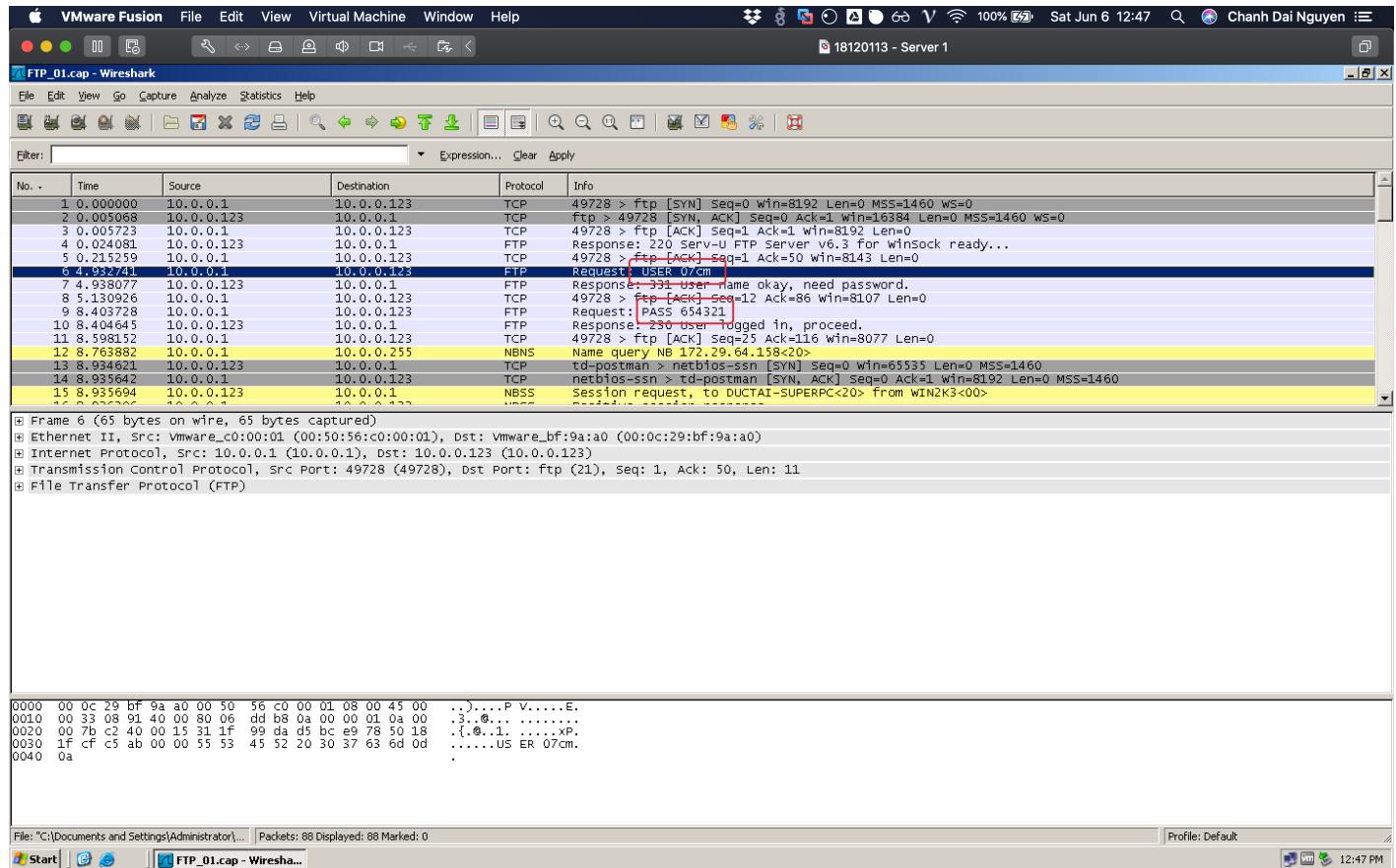
1 a. Username và Password của người dùng là gì ?

Username

07cm

Password

654321



1 b. Địa chỉ IP máy Client và máy Server là gì ?

IP Máy Client

10.0.0.1

IP Máy Server

10.0.0.123

The screenshot shows a Wireshark capture of network traffic from a Client (IP 10.0.0.1) to a Server (IP 10.0.0.123). The traffic includes:

- FTP connections: Multiple TCP sessions are established between the client and server, with various ACK and DATA segments.
- NBNS queries: The client sends Name query NB requests to the server.
- NetBIOS-SSN requests: The client sends TD-Postman requests to the server.

A specific TCP segment (Frame 1) is highlighted in yellow. Its details are as follows:

- Frame 1 (66 bytes on wire, 66 bytes captured)**
- Ethernet II, Src: VMware_c0:00:01 (00:50:56:c0:00:01), Dst: vmware_bf:9a:a0 (00:0c:29:bf:9a:a0)**
- Internet Protocol Version 4 (IPv4)**
- Differentiated Services Field: 0x00 (DSCP 0x00: Default; ECN: 0x00)**
- Total Length: 52**
- Identification: 0x088d (2189)**
- Flags: 0x04 (Don't Fragment)**
- Fragment offset: 0**
- Time to live: 128**
- Protocol: TCP (0x06)**
- Header checksum: 0xddbh [correct]**
- Source: 10.0.0.1 (10.0.0.1)**
- Destination: 10.0.0.123 (10.0.0.123)**
- Transmission Control Protocol, Src Port: 49728 (49728), Dst Port: ftp (21), seq: 0, Len: 0**

The hex dump of the packet shows the structure of the TCP segment.

1 c. Client truy xuất lên Server theo mode nào: Active hay Passive ?

Client truy xuất lên Server theo Active Mode.

No.	Time	Source	Destination	Protocol	Info
56	8.988554	10.0.0.123	10.0.0.1	TCP	netbios-ssn > cma [FIN, ACK] Seq=1000 Ack=1087 win=62227 Len=0
57	8.988575	10.0.0.123	10.0.0.1	TCP	cma > netbios-ssn [ACK] Seq=1087 Ack=1001 win=64536 Len=0
58	9.013267	10.0.0.1	10.0.0.255	BROWSER	Local Master Announcement DUCTAI-SUPERPC, workstation, Server, Print Queue Server, NT Workstation, Poter
59	9.514796	10.0.0.1	10.0.0.255	NBNS	Name query NB 172.29.64.158<2>
60	10.257412	10.0.0.1	10.0.0.255	NBNS	Name query NB 172.29.64.158<2>
61	19.254255	10.0.0.1	10.0.0.255	NBNS	Name query NB 172.29.64.158<2>
62	20.043530	10.0.0.1	10.0.0.255	NBNS	Name query NB 172.29.64.158<2>
63	20.760043	10.0.0.1	10.0.0.255	NBNS	Name query NB 172.29.64.158<2>
64	25.253959	10.0.0.1	10.0.0.123	FTP	Request: PORT 10.0.0.1,194,69
65	25.254698	10.0.0.123	10.0.0.1	FTP	Response: 200 PORT Command successful.
66	25.257566	10.0.0.1	10.0.0.123	FTP	Request: LIST
67	25.260044	10.0.0.123	10.0.0.1	TCP	49733 > ftp-data [SYN] Seq=0 Win=65535 Len=0 MSS=1460
68	25.260306	10.0.0.1	10.0.0.123	TCP	49733 > ftp-data [SYN, ACK] Seq=0 Ack=1 win=8192 Len=0 MSS=1460
69	25.260488	10.0.0.123	10.0.0.1	TCP	49733 > ftp-data [ACK] Seq=1 Ack=1 win=65535 Len=0
70	25.261565	10.0.0.123	10.0.0.1	FTP-DATA	FTP Data: 1460 bytes

Frame 65 (84 bytes on wire, 84 bytes captured)
Ethernet II, Src: VMware_BF:9A:A0 (00:0c:29:bf:9a:a0), Dst: VMware_C0:00:01 (00:50:56:c0:00:01)
Internet Protocol, Src: 10.0.0.123 (10.0.0.123), Dst: 10.0.0.1 (10.0.0.1)
 version: 4
 Header length: 20 bytes
 Differentiated Services Field: 0x00 (DSCP 0x00: Default; ECN: 0x00)
 Total Length: 70
 Identification: 0x04b3 (1203)
 Flags: 0x00
 Fragment offset: 0
 Time to live: 128
 Protocol: TCP (0x06)
 Header checksum: 0x2184 [correct]
 Source: 10.0.0.123 (10.0.0.123)
 Destination: 10.0.0.1 (10.0.0.1)
Transmission Control Protocol, Src Port: ftp (21), Dst Port: 49728 (49728), seq: 116, Ack: 47, Len: 30
File Transfer Protocol (FTP)

```

0000  00 50 56 c0 00 01 00 0c 29 bf 9a a0 08 00 45 00 .PV..... ).....E.
0010  00 46 04 b3 00 00 80 06 21 84 0a 00 00 7b 0a 00 .F..... !...{.
0020  00 01 00 15 c2 40 d5 bc e9 ba 31 1f 9a 08 50 18 .....@. .!..P.
0030  44 42 4d 34 00 00 32 30 30 20 50 4f 52 54 20 43 DBM4..20 0 PORT C
0040  6f 6d 6d 61 6e 64 20 73 75 63 63 65 73 73 66 75 command s accessfu
0050  6c 2e 0d 0a 1...

```

File: "C:\Documents and Settings\Administrator\...\ FTP_01.cap" | Packets: 88 | Displayed: 88 | Marked: 0 | Profile: Default | Start | Stop | File | Help | 1:04 PM

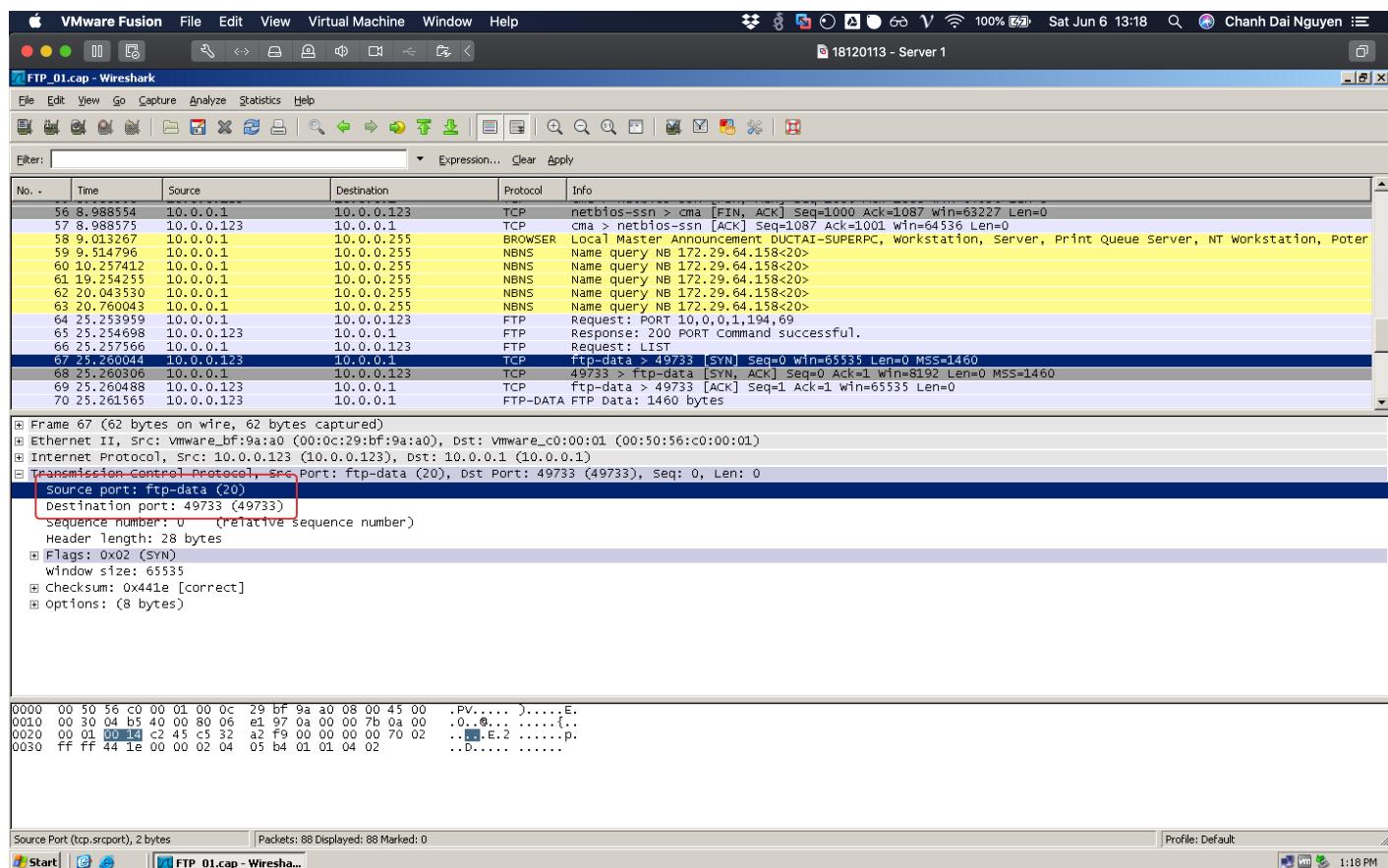
1 d. Port truyền dữ liệu của FTP Server và Client là bao nhiêu ?

Port FTP Server

20

Port Client

49733



Câu 2. Cho tập tin FTP_02.cap, đọc tập tin này bằng Wireshark và trả lời các câu hỏi sau :

2 a. FTP sử dụng giao thức UDP hay TCP ?

FTP sử dụng giao thức TCP.

The screenshot shows a Wireshark capture of a file named "FTP_02.cap". The packet list pane displays several network frames. A specific TCP connection is highlighted in red, starting with a SYN packet from the client (10.0.0.1) to the server (10.0.0.224). This is followed by an ACK response from the server. Subsequent frames show data exchange, including an anonymous user login attempt and a password rejection. The details pane provides a detailed view of the selected packet's structure, including fields like Source Port, Destination Port, Sequence Number, Acknowledgement Number, and Flags. The bytes pane shows the raw binary data of the selected packet.

2 b. Port mặc định của FTP Server để nhận kết nối là bao nhiêu ?

FTP Server nhận kết nối ở Port mặc định : 21

The screenshot shows a Wireshark capture of an FTP session named "FTP_02.cap". The packet list displays 60 captured packets. The SYN packet (index 6) is highlighted in yellow. The details pane shows the following information for the SYN packet:

- Frame 6 (66 bytes on wire, 66 bytes captured)
- Ethernet II, Src: VMware_00:00:01 (00:0c:29:bf:9a:a0), Dst: VMware_00:00:01 (00:0c:29:bf:9a:a0)
- Internet Protocol Version 4, Src: 10.0.0.1 (10.0.0.1), Dst: 10.0.0.224 (10.0.0.224)
- Transmission Control Protocol, src Port: 49788 (49788), dst Port: ftp (21), seq: 0, Len: 0
source port: 49788 (49788)
destination port: ftp (21)
sequence number: 0 (relative sequence number)
header length: 32 bytes
flags: 0x02 (SYN)
window size: 8192
checksum: 0x083e [correct]
options: (12 bytes)

The bytes pane shows the raw hex and ASCII representation of the SYN packet.

2 c. Username và Password của người dùng là gì ?

Username

cm07

Password

123654

The screenshot shows a Wireshark capture of an FTP session named 'FTP_02.cap'. The session details pane shows the following sequence of events:

- Frame 17 (65 bytes on wire, 65 bytes captured): An Ethernet II frame from the source VMWare_BF:9a:a0 (00:0c:29:bf:9a:a0) to the destination 10.0.0.224 (10.0.0.224).
- Transmission Control Protocol (TCP) connection setup between port 49788 (49788) and port 21 (21).
- File Transfer Protocol (FTP) command: USER cm07.
- File Transfer Protocol (FTP) response: 331 User name okay, need password.
- File Transfer Protocol (FTP) command: PASS 123654.
- File Transfer Protocol (FTP) response: 230 User logged in, proceed.
- File Transfer Protocol (FTP) command: SYST.
- File Transfer Protocol (FTP) response: 215 UNIX Type: L8.

The packet list pane shows the raw hex and ASCII data for each packet, including the user and password exchange.

2 d. Port truyền lệnh của Client là bao nhiêu ?

Port truyền lệnh của Client là 49788.

The screenshot shows a Wireshark capture of an FTP session. The client (10.0.0.1) is connecting to the server (10.0.0.224) on port 21. The client's source port is 49788. The session includes various commands like USER, PASS, and SYST, along with responses from the server.

No.	Time	Source	Destination	Protocol	Info
8	11.429211	10.0.0.1	10.0.0.224	TCP	49788 > ftp [ACK] seq=1 Ack=1 win=65700 Len=0
9	11.431999	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Response: 220 Serv-U FTP Server v6.3 for Winsock ready...
10	11.615330	10.0.0.1	10.0.0.224	TCP	49788 > ftp [ACK] seq=1 Ack=50 win=65648 Len=0
11	12.192785	10.0.0.1	10.0.0.255	NBNS	Name query NB 172.29.70.4<20>
12	12.730270	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: USER anonymous
13	12.731818	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Response: 331 User name okay, please send complete E-mail address as password.
14	12.848222	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: PASS mozillla@example.com
15	12.849323	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Response: 530 Sorry, no ANONYMOUS access allowed.
16	13.077272	10.0.0.1	10.0.0.224	TCP	49788 > ftp [ACK] seq=43 Ack=161 win=65540 Len=0
17	21.836141	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: USER cm07
18	21.837664	10.0.0.1	10.0.0.1	FTP	Response: 331 User name okay, need password.
19	21.905232	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: PASS 123654
20	21.906163	10.0.0.1	10.0.0.1	FTP	Response: 230 User logged in, proceed.
21	21.935646	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: SYST
22	21.936236	10.0.0.1	10.0.0.1	FTP	Response: 215 UNIX Type: L8

Selected packet details:

- Frame 17 (65 bytes on wire, 65 bytes captured)
- Ethernet II, Src: VMware_00:00:01 (00:00:00:00:00:01), Dst: VMware_BF:9A:A0 (00:0c:29:bf:9a:a0)
- Internet Protocol Version 4, Src: 10.0.0.1 (10.0.0.1), Dst: 10.0.0.224 (10.0.0.224)
- Transmission Control Protocol, Src Port: 49788 (49788), Dst Port: ftp (21), Seq: 43, Ack: 161, Len: 11

Source port: 49788 (49788)
destination port: ftp (21)
sequence number: 43 (relative sequence number)
[Next sequence number: 54 (relative sequence number)]
Acknowledgement number: 161 (relative ack number)
Header length: 20 bytes
Flags: 0x18 (PSH, ACK)
window size: 65540 (scaled)
Checksum: 0xea84 [correct]
File Transfer Protocol (FTP)

Hex dump:

```

0000  00 00 00 29 bf 9a a0 00 50 56 c0 00 01 08 00 45 00 ..).,..P V,...E.
0010  00 33 09 9c 40 00 80 06 dc 48 0a 00 00 01 0a 00 ..3.0.,..H...
0020  00 e0 C2 7C 00 15 83 6b ec 25 14 e1 c0 10 50 18 ..%.k.%..P.
0030  40 01 ea 84 00 00 55 53 45 52 20 63 6d 30 37 0d @...US ER cm07.
0040  0a .

```

2 e. Client truy xuất lên Server theo mode nào: Active hay Passive ?

Client truy xuất lên Server theo Passive Mode.

PASV → Passive Mode

Request: PASV

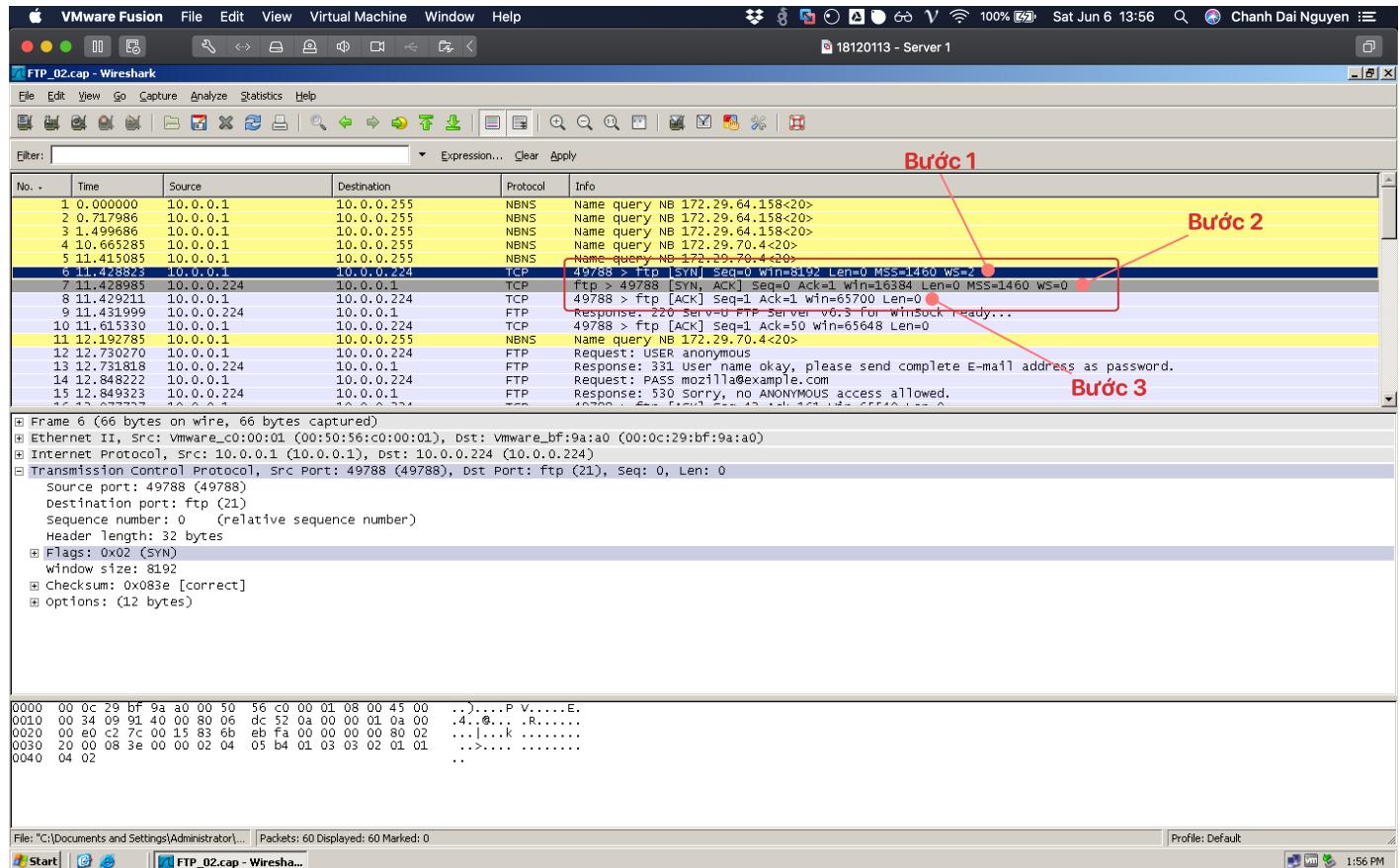
Response: 227 Entering Passive Mode (10,0,0,224,19,137)

No.	Time	Source	Destination	Protocol	Info
21	21.93646	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: SYST
22	21.936236	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Response: 215 UNIX Type: L8
23	21.952730	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: PWD
24	21.954292	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Response: 257 "/" is current directory.
25	21.955344	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: TYPE I
26	21.955762	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Response: 200 Type set to I.
27	21.956224	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: PASV
28	21.968087	10.0.0.1	10.0.0.1	FTP	Response: 227 Entering Passive Mode (10,0,0,224,19,137)
29	21.984564	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	REQUEST: SIZE /
30	21.985403	10.0.0.1	10.0.0.1	FTP	Response: 550 /: No such file.
31	21.986261	10.0.0.1	10.0.0.224	TCP	49791 > complex-link [SYN] Seq=0 Win=8192 Len=0 MSS=1460 WS=2
32	21.986361	10.0.0.1	10.0.0.1	TCP	complex-link > 49791 [SYN, ACK] Seq=0 Ack=1 Win=16384 Len=0 MSS=1460 WS=0
33	21.986491	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: MDTM /
34	21.986571	10.0.0.1	10.0.0.224	TCP	49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
35	21.987586	10.0.0.1	10.0.0.1	FTP	Response: 213 20090903103505

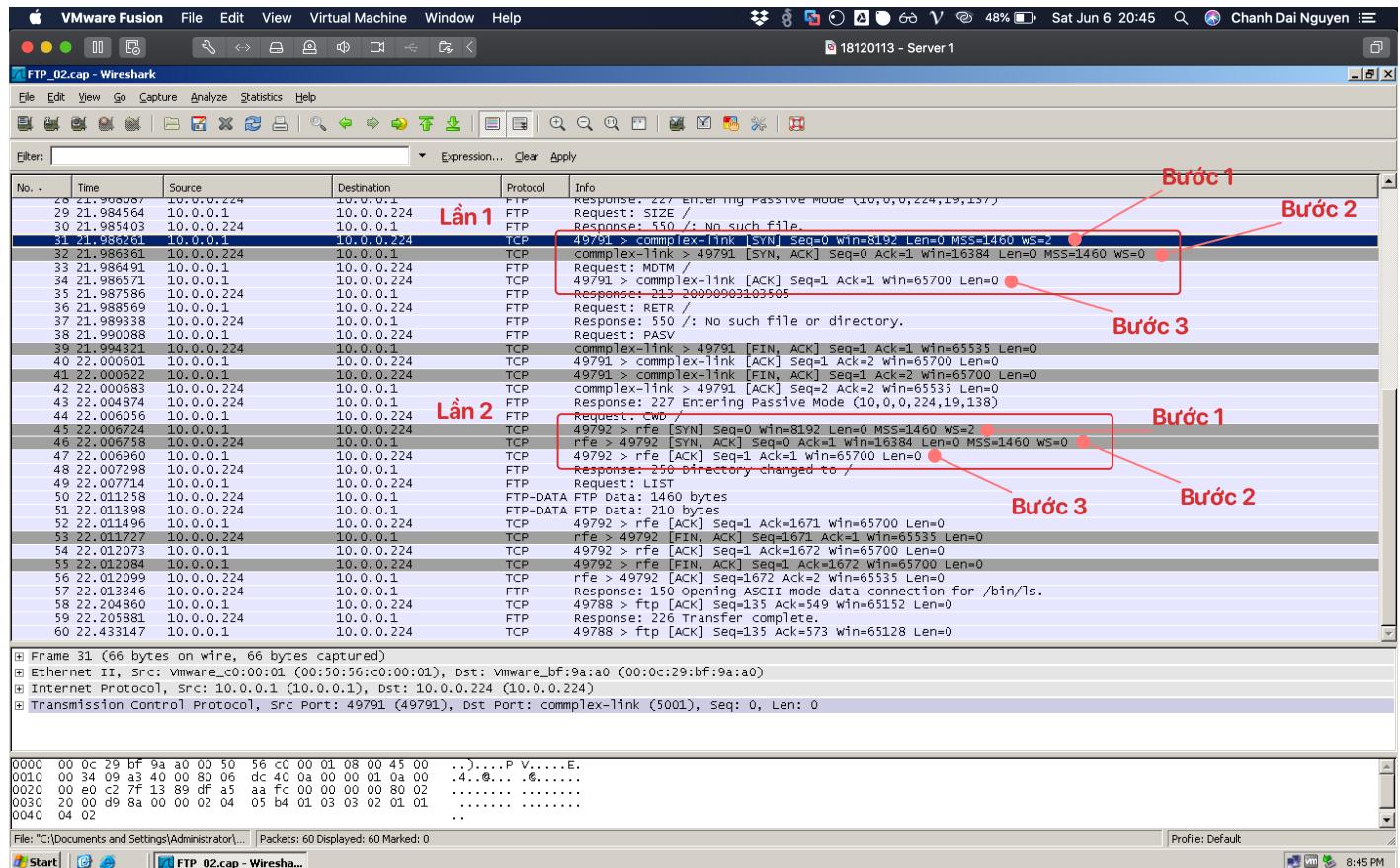
Frame 27 (60 bytes on wire, 60 bytes captured)
 Ethernet II, Src: VMware_C0:00:01 (00:00:56:c0:00:01), Dst: VMware_BF:9a:a0 (00:0c:29:bf:9a:a0)
 Internet Protocol Version 4, Src: 10.0.0.1 (10.0.0.1), Dst: 10.0.0.224 (10.0.0.224)
 Transmission Control Protocol, Src Port: 49788 (49788), Dst Port: ftp (21), seq: 86, Ack: 297, Len: 6
 sequence number: 86 (relative sequence number)
 [Next sequence number: 92 (relative sequence number)]
 acknowledgement number: 297 (relative ack number)
 header length: 20 bytes
 Flags: 0x18 (PSH, ACK)
 window size: 65404 (scaled)
 checksum: 0xa29d [correct]
 [SEQ/ACK analysis]
 File Transfer Protocol (FTP)
 PASV\r\n

```
0000 00 0c 29 bf 9a a0 00 50 56 c0 00 01 08 00 45 00  ..).P V.....E.
0010 00 2e 09 a1 40 00 80 06 dc 48 0a 00 00 01 0a 00  ...@..._H.....
0020 00 e0 c2 7c 00 15 83 6b ec 50 14 e1 c0 98 50 18  ?.!.k_P..P.
0030 3f df a2 9d 00 00 50 41 53 56 0d 0a  ?....PA SV..
```

2 f. Chỉ ra quá trình bắt tay 3 bước của Client và Server để tạo kết nối ban đầu khi thực hiện truyền Username và Password.



2 g. Chỉ ra quá trình bắt tay 3 bước của Client và Server để tạo kết nối truyền dữ liệu.



2 h. Port truyền dữ liệu của FTP Server và Client là bao nhiêu ?

Kết nối lần 1

Port FTP Server

5001

Port Client

49791

The screenshot shows a Wireshark capture of an FTP session. The Client (port 49791) initiates a connection to the Server (port 5001) with a SYN packet. The Server responds with a SYN-ACK packet. The Client then sends an ACK packet. Subsequent packets show file transfers and directory changes. The Client sends an ASCII mode connection request (PORT command) to the Server.

Selected Packets:

- Frame 31: 49791 > complex-link [SYN] Seq=0 Win=8192 Len=0 MSS=1460 WS=2
- Frame 32: complex-link > 49791 [SYN, ACK] Seq=1 Ack=1 Win=16384 Len=0 MSS=1460 WS=0
- Frame 33: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 34: complex-link > 49791 [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 35: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 36: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 37: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 38: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 39: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 40: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 41: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 42: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 43: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 44: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 45: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 46: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 47: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 48: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 49: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 50: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 51: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 52: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 53: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 54: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 55: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 56: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
- Frame 57: 49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0

Selected Bytes:

```

0010  00 34 09 a3 40 00 80 06 dc 40 0a 00 00 01 0a 00 .4..0...@.....
0020  00 e9 C2 7f 13 89 df a5 aa fc 00 00 00 00 80 02 ..... .
0030  20 00 d9 8a 00 00 02 04 05 b4 01 03 03 02 01 01 ..... .
0040  04 02 ...

```

Selected Hex:

```

Source Port: (tcp.srcport), 2 bytes
Packets: 60 Displayed: 60 Marked: 0
Profile: Default

```

Kết nối lần 2

Port FTP Server

5002

Port Client

49792

The screenshot shows a Wireshark capture of network traffic between a client and a server. The client's IP is 10.0.0.1 and its port is 49792. The server's IP is 10.0.0.224 and its port is 5002. The traffic consists of several TCP segments. A red box highlights the first segment from the client to the server, which is an ASCII mode data request (rfe) containing the command 'ls'. Another red box highlights the response from the server, which is a directory listing starting with '/bin'. The packet details and bytes panes show the structure of the ASCII data and the server's response.

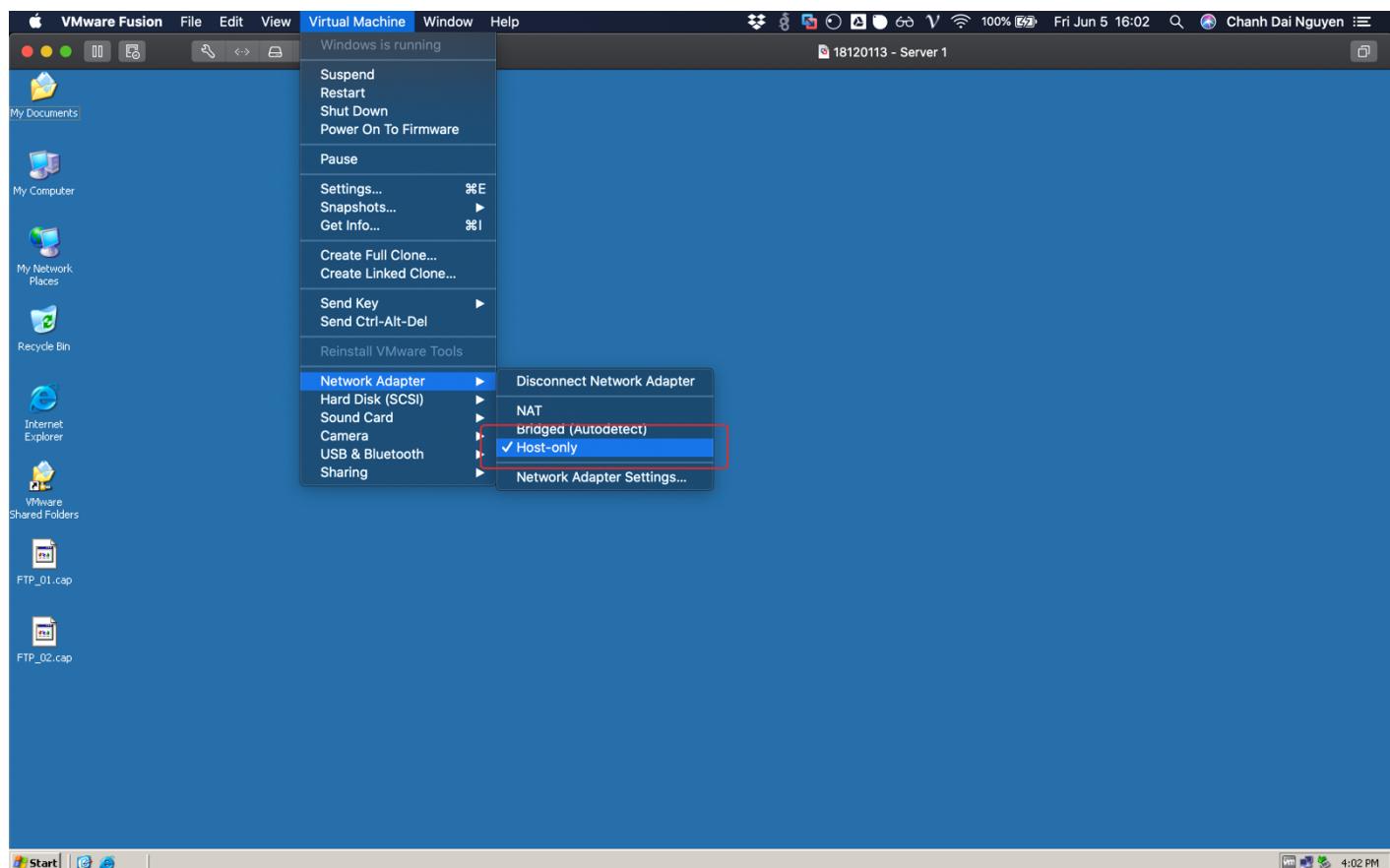
No.	Time	Source	Destination	Protocol	Info
28	21. 968087	10.0.0.224	10.0.0.1	FTP	Response: 227 Entering Passive Mode (10,0,0,224,19,137)
29	21. 984564	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: SIZE /
30	21. 985403	10.0.0.224	10.0.0.1	FTP	Response: 550 /: no such file.
31	21. 986261	10.0.0.1	10.0.0.224	TCP	49792 > complex-link [SYN] Seq=0 Win=8192 Len=0 MSS=1460 WS=2
32	21. 986361	10.0.0.224	10.0.0.1	TCP	complex-link > 49791 [SYN, ACK] Seq=0 Ack=1 Win=16384 Len=0 MSS=1460 WS=0
33	21. 986491	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: MDTM /
34	21. 986571	10.0.0.1	10.0.0.224	TCP	49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
35	21. 987586	10.0.0.224	10.0.0.1	FTP	Response: 213 20090903103505
36	21. 988569	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: RETR /
37	21. 989338	10.0.0.224	10.0.0.1	FTP	Response: 550 /: no such file or directory.
38	21. 990088	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: PASV
39	21. 994321	10.0.0.224	10.0.0.1	TCP	complex-link > 49791 [FIN, ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65335 Len=0
40	22. 000601	10.0.0.1	10.0.0.224	TCP	49791 > complex-link [ACK] Seq=1 Ack=2 Win=65700 Len=0
41	22. 000622	10.0.0.224	10.0.0.1	TCP	49791 > complex-link [FIN, ACK] Seq=1 Ack=2 Win=65700 Len=0
42	22. 004683	10.0.0.224	10.0.0.1	TCP	complex-link > 49791 [ACK] Seq=2 Ack=2 Win=65335 Len=0
43	22. 004874	10.0.0.224	10.0.0.1	FTP	Response: 227 Entering Passive Mode (10,0,0,224,19,138)
44	22. 005056	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: CWD
45	22. 005090	10.0.0.1	10.0.0.224	TCP	49792 > rfe [SYN] Seq=0 Win=0 Len=0 MSS=1460 WS=2
46	22. 005758	10.0.0.224	10.0.0.1	TCP	49792 > rfe [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65335 Len=0 MSS=1460 WS=0
47	22. 008960	10.0.0.1	10.0.0.224	TCP	49792 > rfe [ACK] Seq=1 Ack=1 Win=65700 Len=0
48	22. 009798	10.0.0.224	10.0.0.1	FTP	Response: 250 Directory changed to /
49	22. 007714	10.0.0.1	10.0.0.224	FTP	Request: LIST
50	22. 011258	10.0.0.224	10.0.0.1	FTP-DATA	FTP Data: 1460 bytes
51	22. 011398	10.0.0.224	10.0.0.1	FTP-DATA	FTP Data: 210 bytes
52	22. 011496	10.0.0.1	10.0.0.224	TCP	49792 > rfe [ACK] Seq=1 Ack=1671 Win=65700 Len=0
53	22. 011727	10.0.0.224	10.0.0.1	TCP	rfe > 49792 [FIN, ACK] Seq=1671 Ack=1 Win=65335 Len=0
54	22. 012073	10.0.0.1	10.0.0.224	TCP	49792 > rfe [ACK] Seq=1 Ack=1672 Win=65700 Len=0
55	22. 012084	10.0.0.1	10.0.0.224	TCP	49792 > rfe [FIN, ACK] Seq=1 Ack=1672 Win=65700 Len=0
56	22. 012099	10.0.0.224	10.0.0.1	TCP	rfe > 49792 [ACK] Seq=1672 Ack=2 Win=65335 Len=0
57	22. 013346	10.0.0.224	10.0.0.1	FTP	Response: 150 Opening ASCII mode data connection for /bin/ls.

Frame 45 (66 bytes on wire, 66 bytes captured)
 Ethernet II, Src: VMware_0f:00:01 (00:0f:00:00:00:01), Dst: VMware_bf:9a:a0 (00:0c:29:bf:9a:a0)
 Internet Protocol Version 4, Src: 10.0.0.1 (10.0.0.1), Dst: 10.0.0.224 (10.0.0.224)
 Transmission Control Protocol, Src Port: 49792 (49792), Dst Port: rfe (5002), Seq: 0, Len: 0
 Source port: 49792 (49792)
 Destination port: rfe (5002)
 Sequence number: 0 (relative sequence number)
 Header length: 32 bytes
 Flags: 0x02 (SYN)

File: "C:\Documents and Settings\Administrator\...\Packets: 60 Displayed: 60 Marked: 0" Profile: Default
 Start | Stop | Reload | File | Edit | View | Go | Capture | Analyze | Statistics | Help | Chanh Dai Nguyen | 8:57 PM

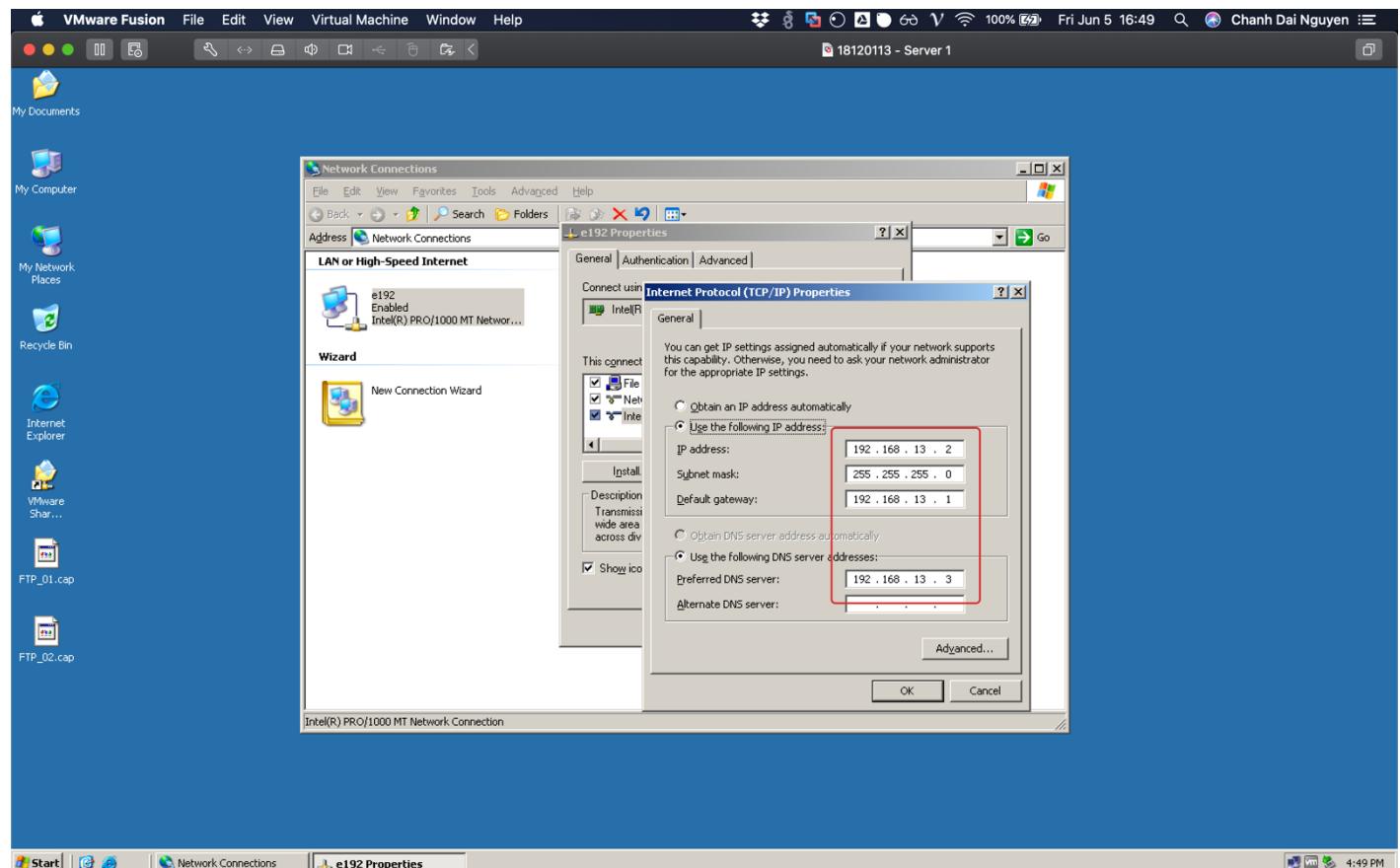
Câu 3. Cấu hình dịch vụ DHCP với các thông tin sau :

3 a. Sử dụng máy ảo MS Windows Server 2003/2008/2012 để làm DHCP Server. Thiết lập Card Mạng của máy ảo là Host-Only.



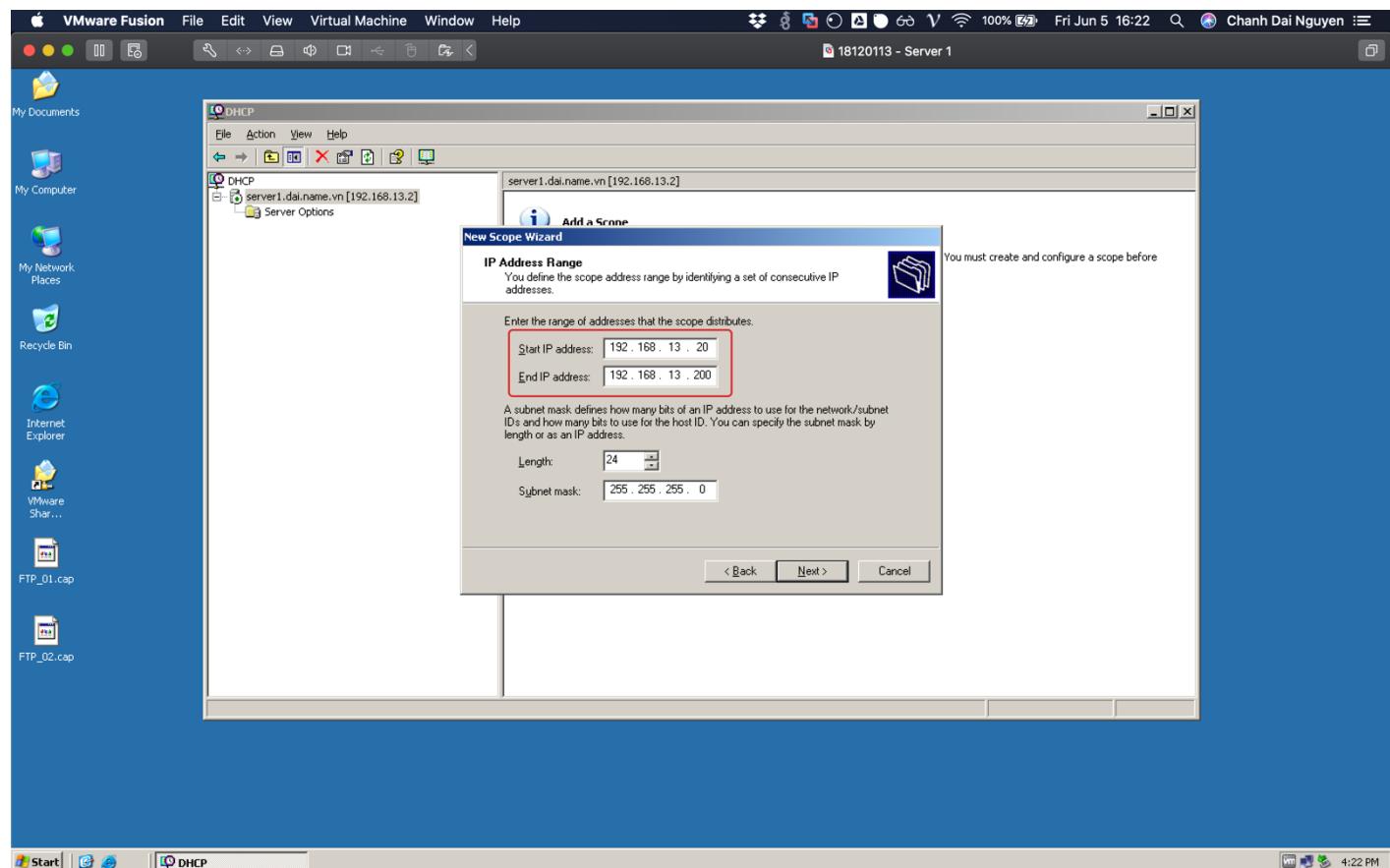
3 b. Cấu hình địa chỉ IP tĩnh cho máy làm DHCP Server này là : 192.168.X.2/24, với X là 2 chữ số cuối của MSSV.

MSSV = 1812113 → X = 13 → 192.168.13.2



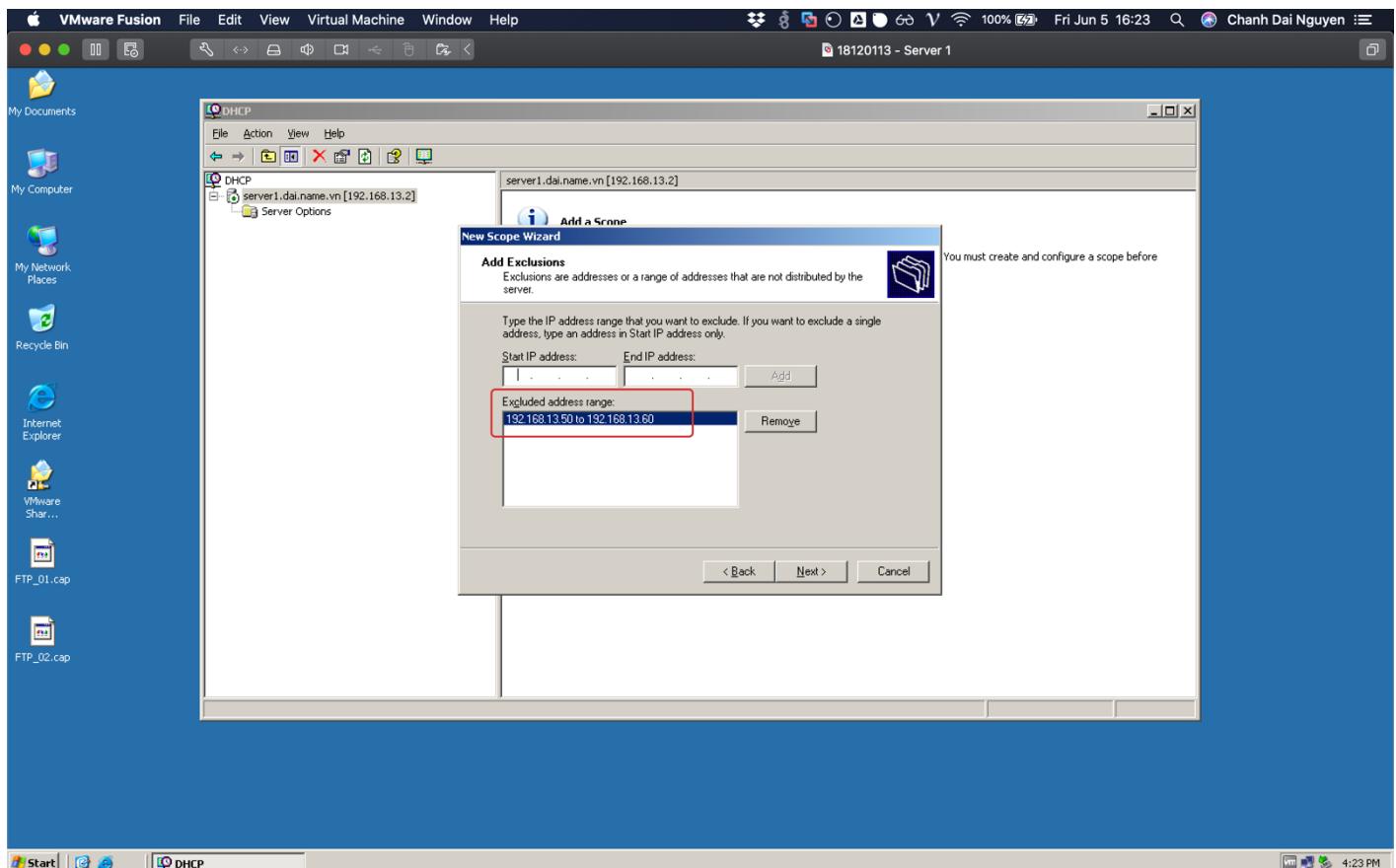
3 c. Khoảng địa chỉ IP cấp cho các Clients là : 192.168.X.20/24 – 192.168.X.200/24

→ 192.168.13.20/24 – 192.168.13.200/24



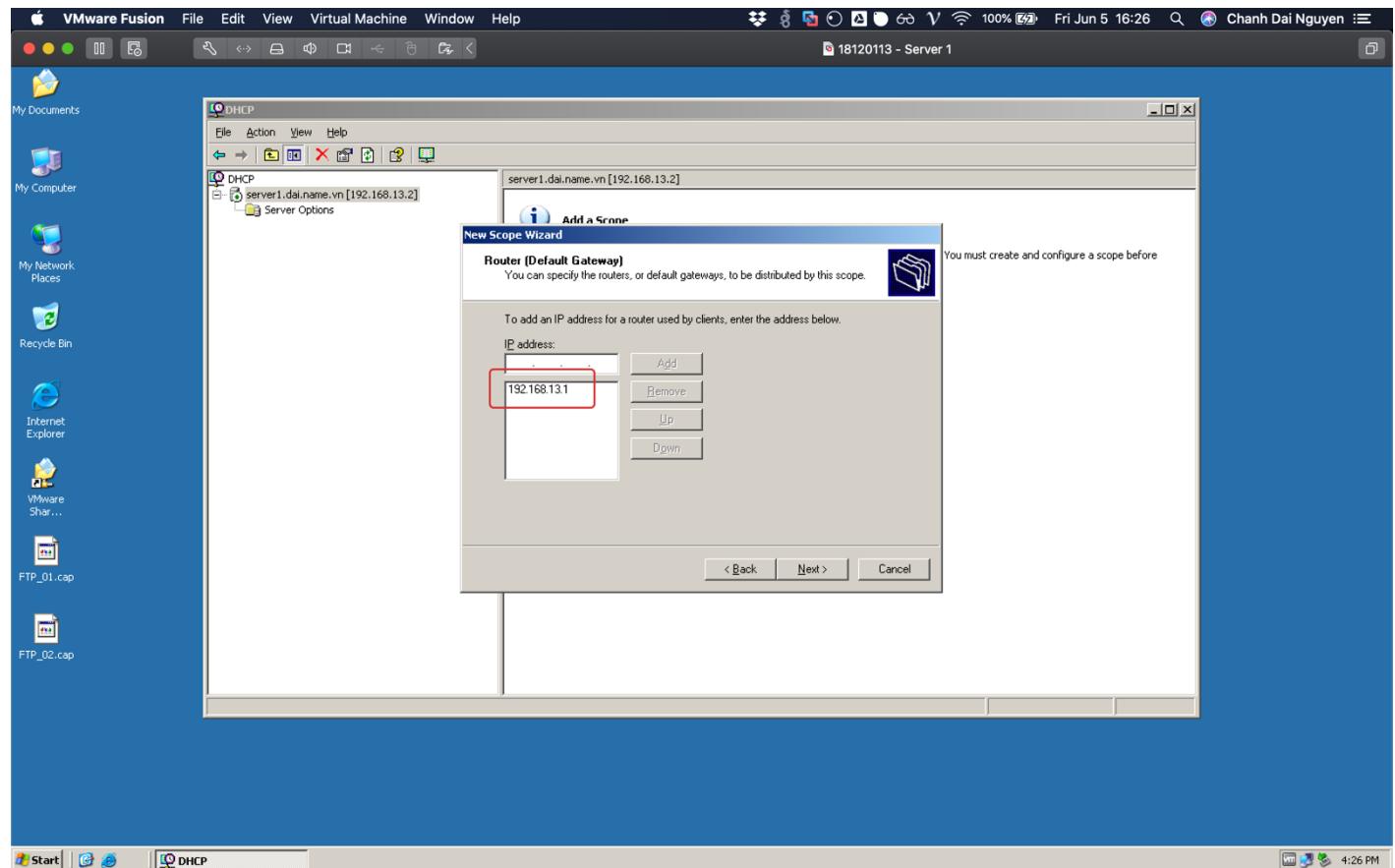
3 d. Khoảng địa chỉ IP không được cấp tự động (Exclusion) : 192.168.X.50/24 – 192.168.X.60/24

→ 192.168.13.50/24 – 192.168.13.60/24



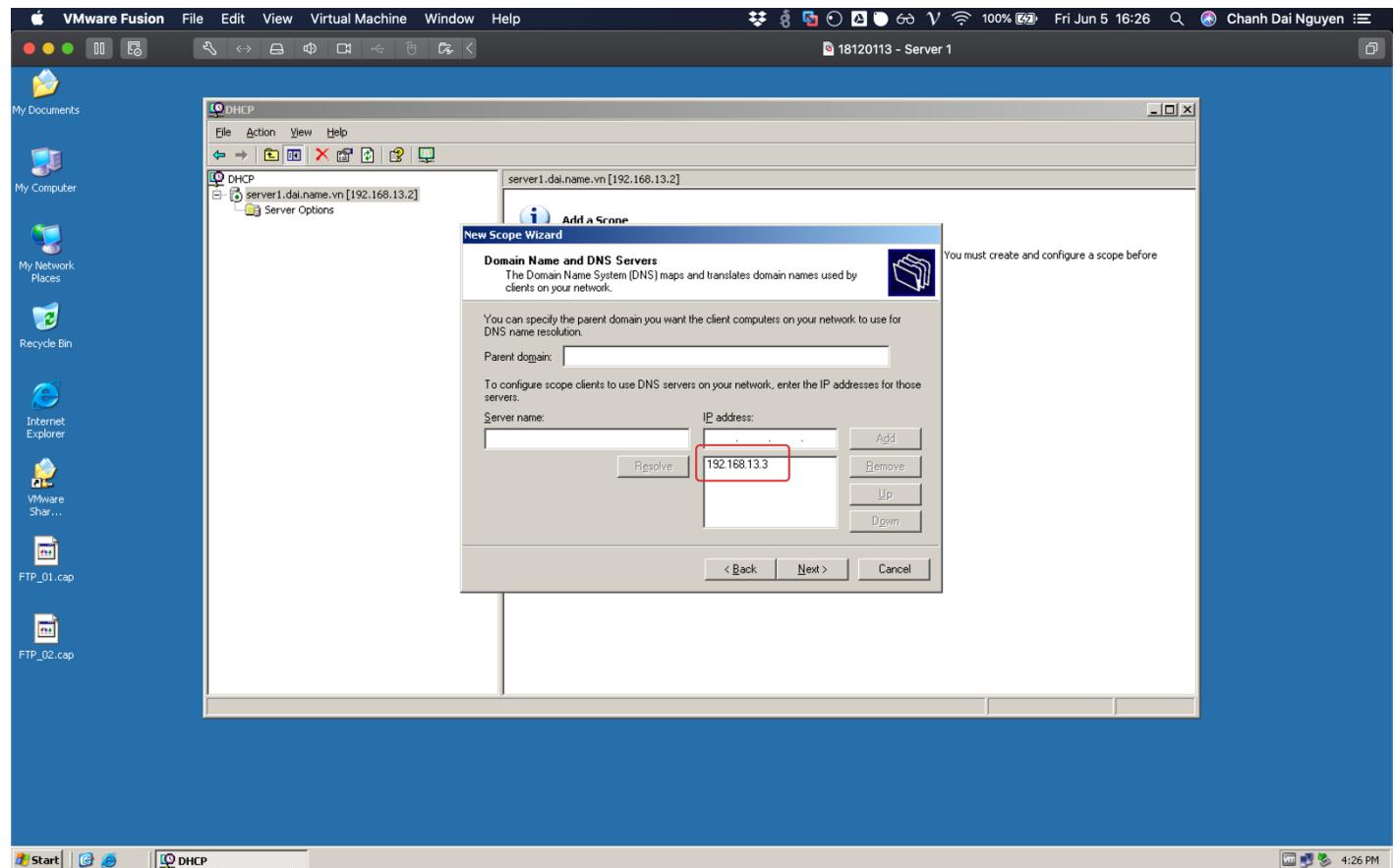
3 e. Default Gateway cung cấp cho các Clients : 192.168.X.1

→ 192.168.13.1

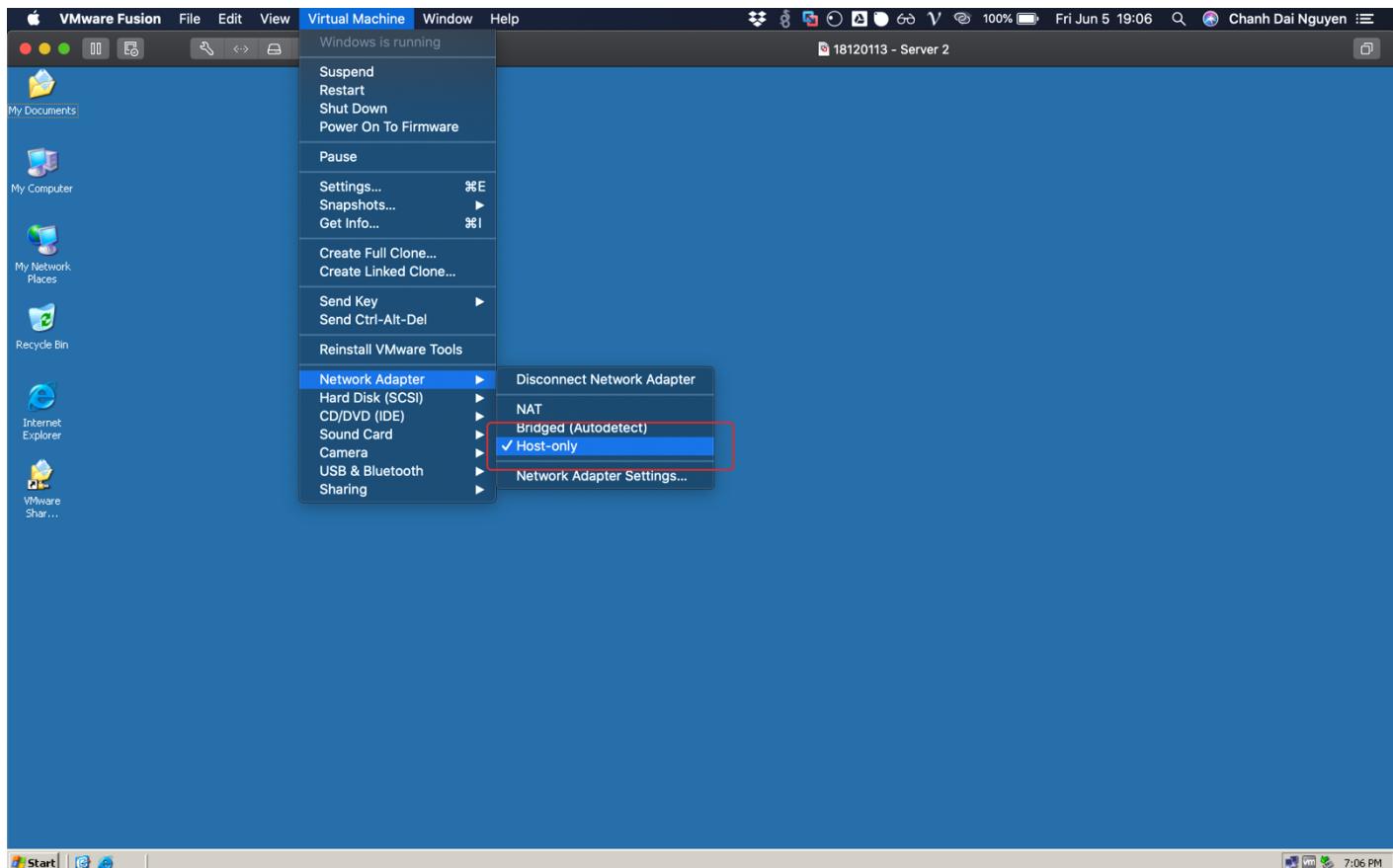


3 f. DNS Server cung cấp cho các Clients: 192.168.X.3

→ 192.168.13.3

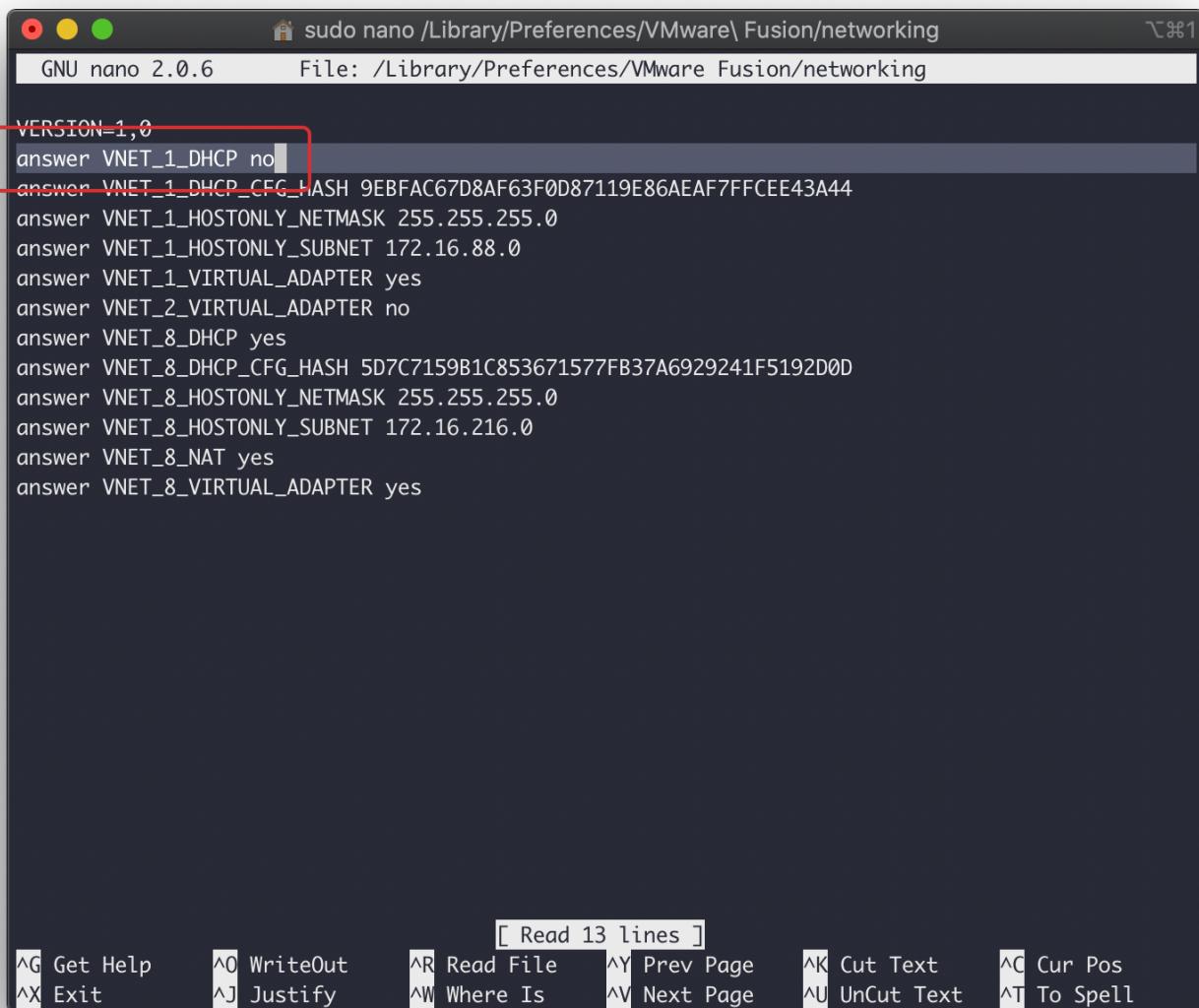


3 g. Cấu hình một máy ảo khác (Windows 7, Windows Server 2003, ...) làm DHCP Client.
Thiết lập Card Mạng của máy ảo này là Host-Only.



3 h. Tắt tính năng DHCP của phần mềm VMWare

Tắt tính năng DHCP của phần mềm VMWare Fusion 11.5.0 trên macOS 10.15.5



```
sudo nano /Library/Preferences/VMware\ Fusion/networking
GNU nano 2.0.6      File: /Library/Preferences/VMware Fusion/networking

VERSION=1,0
answer VNET_1_DHCP no
answer VNET_1_DHCP_CFG_HASH 9EBFAC67D8AF63F0D87119E86AEAF7FFCEE43A44
answer VNET_1_HOSTONLY_NETMASK 255.255.255.0
answer VNET_1_HOSTONLY_SUBNET 172.16.88.0
answer VNET_1_VIRTUAL_ADAPTER yes
answer VNET_2_VIRTUAL_ADAPTER no
answer VNET_8_DHCP yes
answer VNET_8_DHCP_CFG_HASH 5D7C7159B1C853671577FB37A6929241F5192D0D
answer VNET_8_HOSTONLY_NETMASK 255.255.255.0
answer VNET_8_HOSTONLY_SUBNET 172.16.216.0
answer VNET_8_NAT yes
answer VNET_8_VIRTUAL_ADAPTER yes

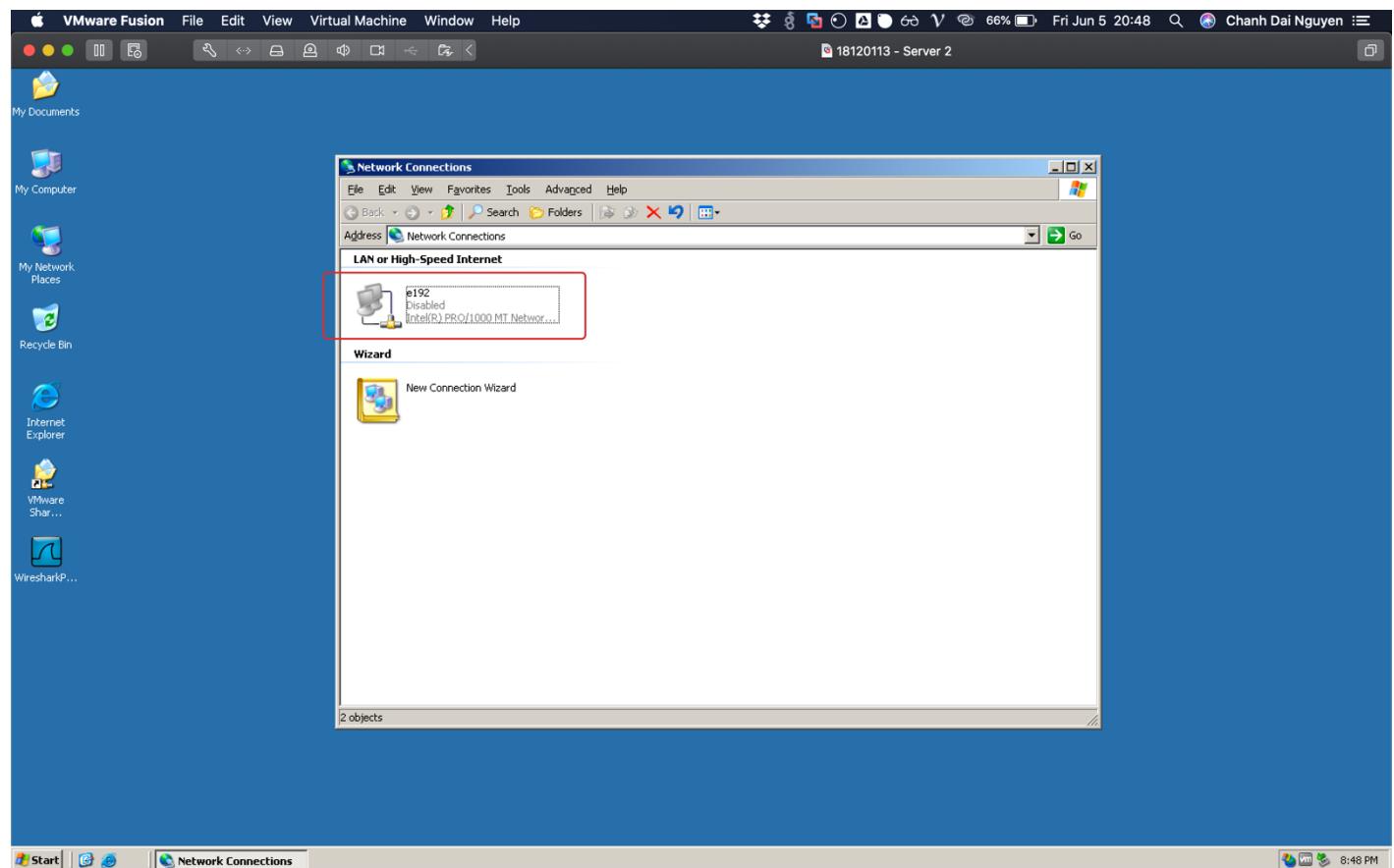
[ Read 13 lines ]
^G Get Help      ^O WriteOut     ^R Read File     ^Y Prev Page    ^K Cut Text     ^C Cur Pos
^X Exit         ^J Justify      ^W Where Is      ^V Next Page    ^U UnCut Text   ^T To Spell
```

3 i. Thực hiện xin cấp phát địa chỉ IP từ client đến DHCP server và dùng Wireshark để bắt gói tin của quá trình này.

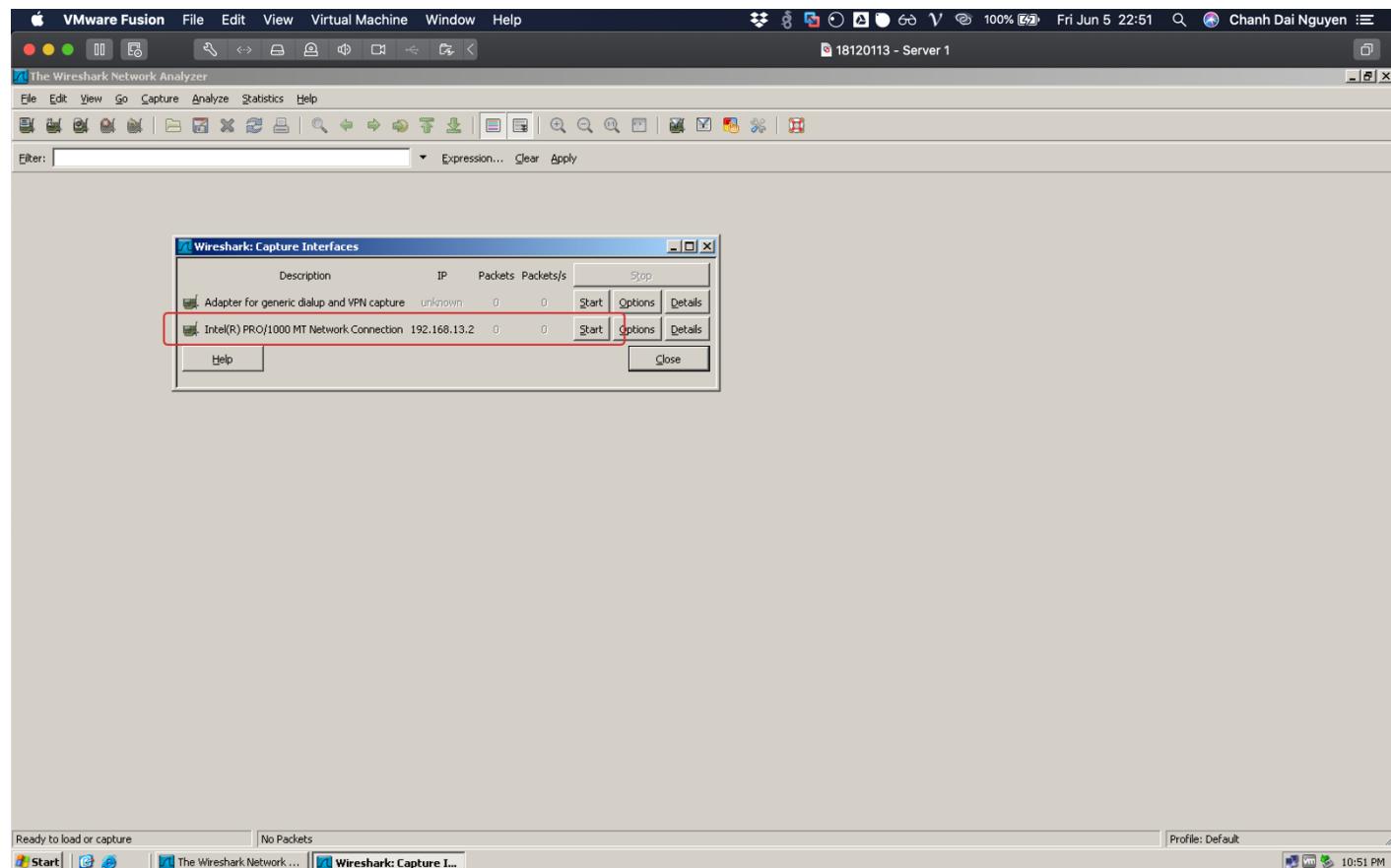
- Video quá trình thực hiện : <https://youtu.be/K6uOl8auPIA>

- Mô tả quá trình thực hiện :

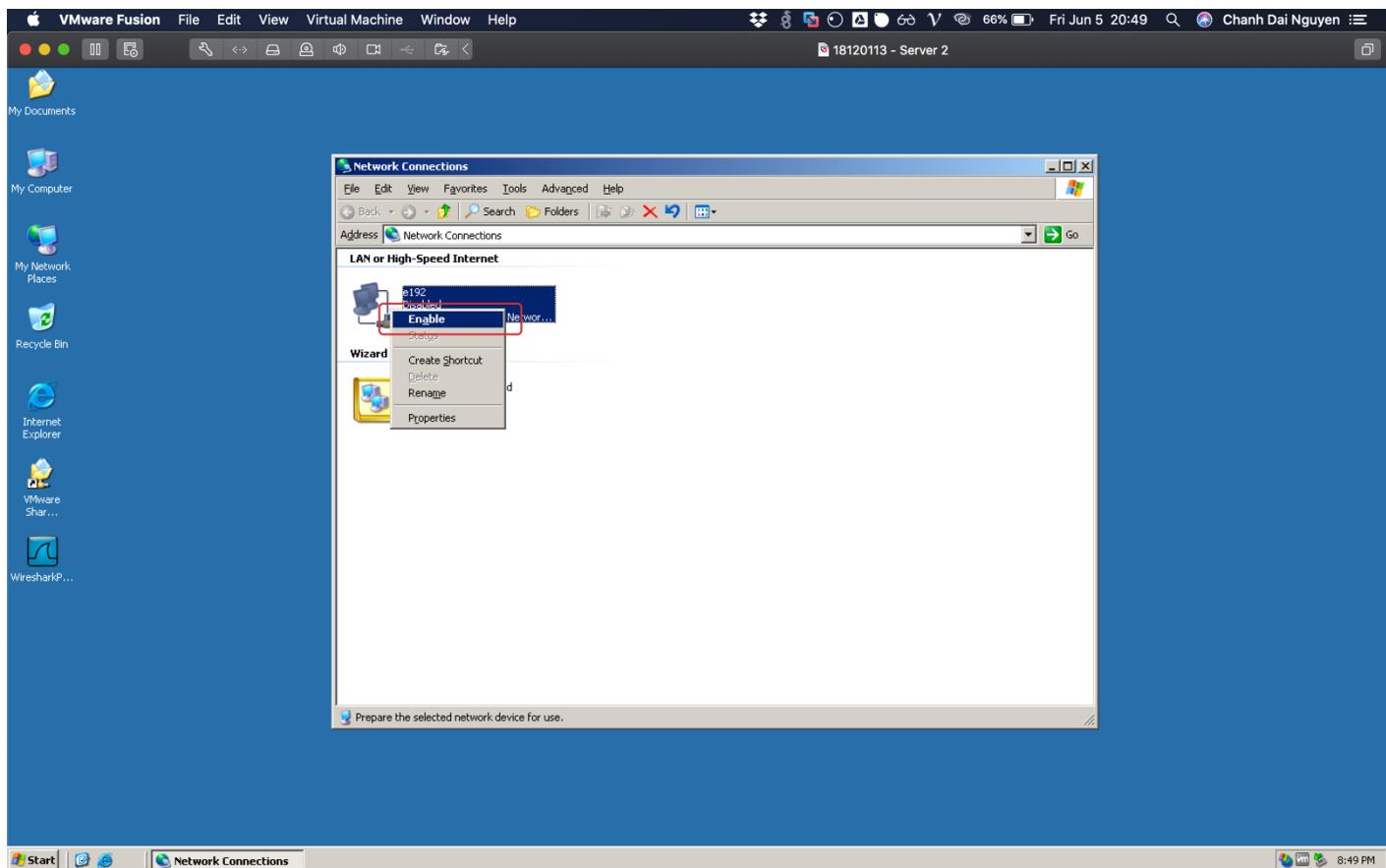
Bước 1. Tại DHCP Client (Server 2), Disable Card Mạng.



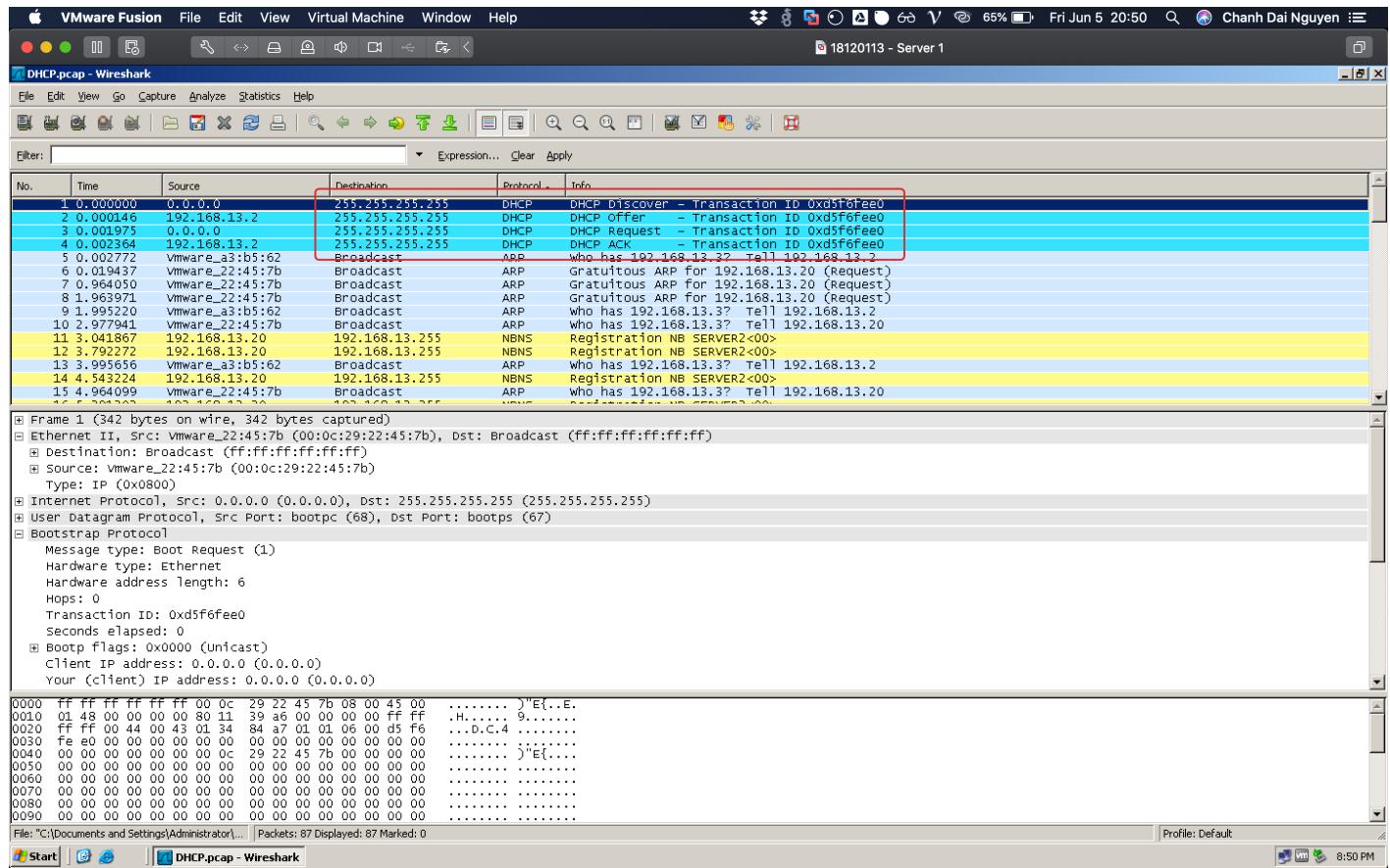
Bước 2. Tại DHCP Server (Server 1), Start Capture.



Bước 3. Tại DHCP Client (Server 2), Enable lại Card Mạng để xin cấp phát địa chỉ IP.

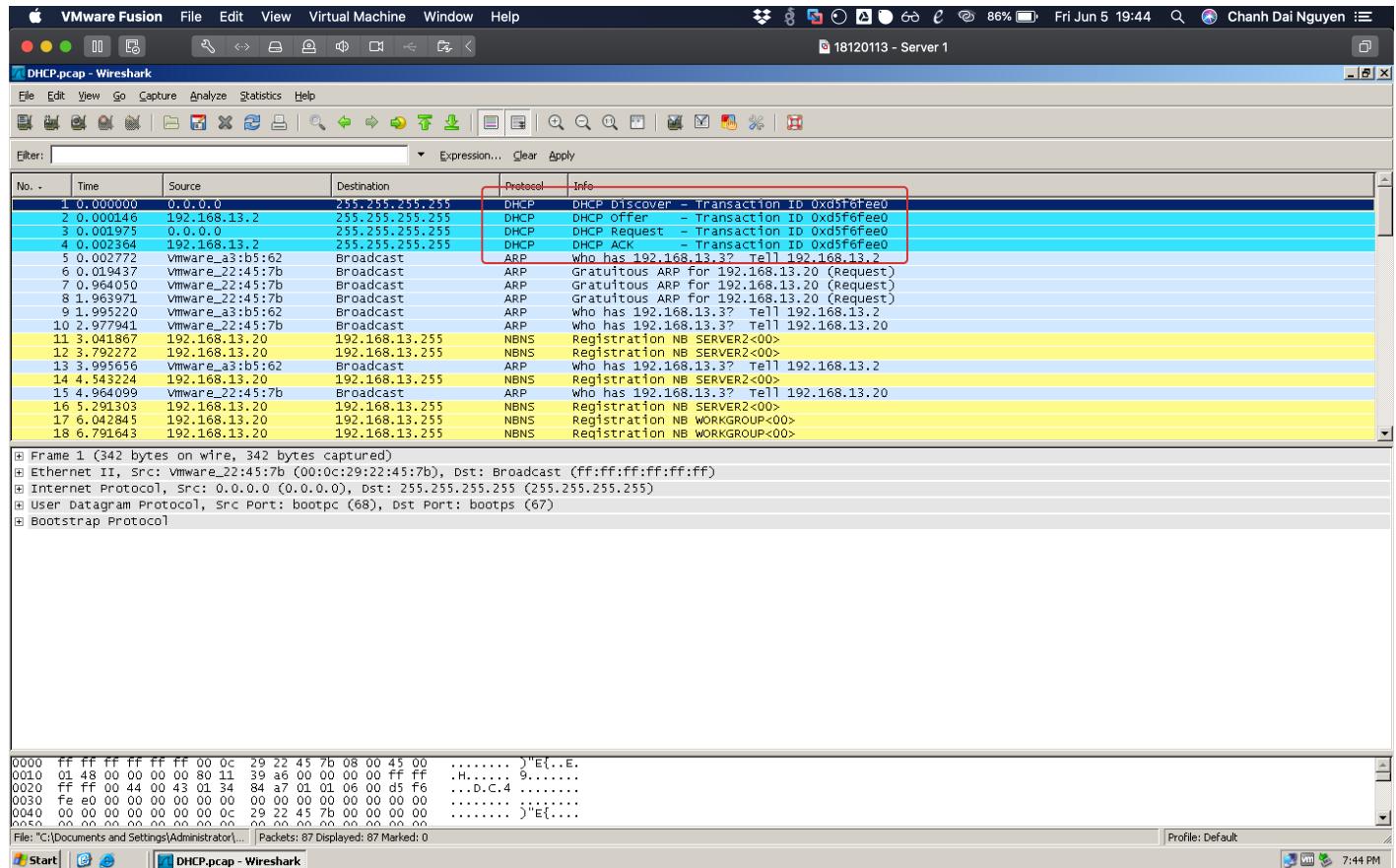


Bước 4. Tại DHCP Server (Server 1), Stop Capture và Xem kết quả.



3 j. Cho biết có bao nhiêu gói tin được truyền và nhận trong quá trình cấp phát địa chỉ IP ?

Có 4 gói tin được truyền và nhận trong quá trình cấp phát địa chỉ IP : *Discover, Offer, Request, ACK.*



3 k. Gồm những gói tin nào, giải thích mục đích của mỗi gói ? Với mỗi gói cho biết : IP Nguồn, IP Đích, MAC Nguồn, MAC Đích, Port Nguồn, Port Đích ?

Gói tin	Mục đích	IP Nguồn	IP Đích	MAC Nguồn	MAC Đích	Port Nguồn	Port Đích
Discover	Client tìm DHCP Server	0.0.0.0	255.255.255.255	00:0c:29:22:45:7b	ff:ff:ff:ff:ff:ff	68	67
Offer	DHCP gợi ý một địa chỉ IP	192.168.13.2	255.255.255.255	00:0c:29:a3:b5:62	ff:ff:ff:ff:ff:ff	67	68
Request	Client yêu cầu cấp 1 địa chỉ IP	0.0.0.0	255.255.255.255	00:0c:29:22:45:7b	ff:ff:ff:ff:ff:ff	68	67
ACK	Server xác nhận đồng ý và giải phóng địa chỉ IP	192.168.13.2	255.255.255.255	00:0c:29:a3:b5:62	ff:ff:ff:ff:ff:ff	67	68

Bài Tập Thực Hành Wireshark

18120113_DHCPCap - Wireshark

Discover

No.	Time	Source	Destination	Protocol	Info
1	0.000000	0.0.0.0	255.255.255.255	DHCP	DHCP Discover - Transaction ID 0xd0f5fe00
2	0.000146	192.168.13.2	255.255.255.255	DHCP	DHCP Offer - Transaction ID 0xd0f5fe00
3	0.001975	0.0.0.0	255.255.255.255	DHCP	DHCP Request - Transaction ID 0xd0f5fe00
4	0.002100	192.168.13.2	255.255.255.255	DHCP	DHCP Offer - Transaction ID 0xd0f5fe00
5	0.002772	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
6	0.019437	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	Gratuitous ARP For 192.168.13.20 (Request)
7	0.064050	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	Gratuitous ARP For 192.168.13.20 (Request)
8	0.095520	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
9	1.095520	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
10	2.977941	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.20
11	3.041867	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
12	3.179235	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
13	3.298656	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
14	4.543224	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
15	4.964094	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.20
16	5.291303	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
17	5.391303	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB WORKGROUP<00>
18	6.791643	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB WORKGROUP<00>
19	6.963379	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.20
20	7.334359	172.16.88.1	172.16.88.255	UDP	source port: 17500 destination port: 17500
21	7.341744	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB WORKGROUP<00>
22	7.995894	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2

Frame 1 (342 bytes on wire, 342 bytes captured)
 Ethernet II, Src: Vmware_22:45:7b (00:0c:29:22:45:7b), Dst: Broadcast (ff:ff:ff:ff:ff:ff) **MAC Address IP MAC Address Port**
 Internet Protocol Version 4, Src: 0.0.0.0 (0.0.0.0), Dst: 255.255.255.255 (255.255.255.255)
 User Datagram Protocol, Src Port: bootpc (68), Dst Port: bootps (67)
 Bootstrap Protocol

Frame 2 (342 bytes on wire, 342 bytes captured)
 Ethernet II, Src: Vmware_a3:b5:62 (00:0c:29:a3:b5:62), Dst: Broadcast (ff:ff:ff:ff:ff:ff) **MAC Address IP MAC Address Port**
 Internet Protocol Version 4, Src: 192.168.13.2 (192.168.13.2), Dst: 255.255.255.255 (255.255.255.255)
 User Datagram Protocol, Src Port: bootps (67), Dst Port: bootpc (68) **IP**
 Bootstrap Protocol

Request

No.	Time	Source	Destination	Protocol	Info
1	0.000000	0.0.0.0	255.255.255.255	DHCP	DHCP Discover - Transaction ID 0xd5f5fe00
2	0.000146	192.168.13.2	255.255.255.255	DHCP	DHCP Offer - Transaction ID 0xd5f5fe00
3	0.001975	0.0.0.0	255.255.255.255	DHCP	DHCP Request - Transaction ID 0xd5f5fe00
4	0.002100	192.168.13.2	255.255.255.255	DHCP	DHCP Offer - Transaction ID 0xd5f5fe00
5	0.002772	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
6	0.019437	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	Gratuitous ARP For 192.168.13.20 (Request)
7	0.064050	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	Gratuitous ARP For 192.168.13.20 (Request)
8	0.095520	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
9	1.095520	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
10	2.977941	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.20
11	3.041867	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
12	3.179235	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
13	3.298656	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
14	4.543224	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
15	4.964094	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.20
16	5.291303	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
17	5.391303	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB WORKGROUP<00>
18	6.791643	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB WORKGROUP<00>
19	6.963379	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.20
20	7.334359	172.16.88.1	172.16.88.255	UDP	source port: 17500 destination port: 17500
21	7.341744	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB WORKGROUP<00>
22	7.995894	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2

Frame 3 (363 bytes on wire, 363 bytes captured)
 Ethernet II, Src: Vmware_22:45:7b (00:0c:29:22:45:7b), Dst: Broadcast (ff:ff:ff:ff:ff:ff) **MAC Address IP MAC Address Port**
 Internet Protocol Version 4, Src: 0.0.0.0 (0.0.0.0), Dst: 255.255.255.255 (255.255.255.255)
 User Datagram Protocol, Src Port: bootpc (68), Dst Port: bootps (67)
 Bootstrap Protocol

Frame 4 (342 bytes on wire, 342 bytes captured)
 Ethernet II, Src: Vmware_a3:b5:62 (00:0c:29:a3:b5:62), Dst: Broadcast (ff:ff:ff:ff:ff:ff) **MAC Address IP MAC Address Port**
 Internet Protocol Version 4, Src: 192.168.13.2 (192.168.13.2), Dst: 255.255.255.255 (255.255.255.255)
 User Datagram Protocol, Src Port: bootps (67), Dst Port: bootpc (68)
 Bootstrap Protocol

ACK

No.	Time	Source	Destination	Protocol	Info
1	0.000000	0.0.0.0	255.255.255.255	DHCP	DHCP Discover - Transaction ID 0xd5f5fe00
2	0.000146	192.168.13.2	255.255.255.255	DHCP	DHCP Offer - Transaction ID 0xd5f5fe00
3	0.001975	0.0.0.0	255.255.255.255	DHCP	DHCP Request - Transaction ID 0xd5f5fe00
4	0.002100	192.168.13.2	255.255.255.255	DHCP	DHCP Offer - Transaction ID 0xd5f5fe00
5	0.002772	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
6	0.019437	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	Gratuitous ARP For 192.168.13.20 (Request)
7	0.064050	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	Gratuitous ARP For 192.168.13.20 (Request)
8	0.095520	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
9	1.095520	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
10	2.977941	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.20
11	3.041867	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
12	3.179235	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
13	3.298656	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
14	4.543224	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
15	4.964094	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.20
16	5.291303	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
17	5.391303	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB WORKGROUP<00>
18	6.791643	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB WORKGROUP<00>
19	6.963379	Vmware_22:45:7b	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.20
20	7.334359	172.16.88.1	172.16.88.255	UDP	source port: 17500 destination port: 17500
21	7.341744	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB WORKGROUP<00>
22	7.995894	Vmware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2

Frame 5 (363 bytes on wire, 363 bytes captured)
 Ethernet II, Src: Vmware_22:45:7b (00:0c:29:22:45:7b), Dst: Broadcast (ff:ff:ff:ff:ff:ff) **MAC Address IP MAC Address Port**
 Internet Protocol Version 4, Src: 0.0.0.0 (0.0.0.0), Dst: 255.255.255.255 (255.255.255.255)
 User Datagram Protocol, Src Port: bootpc (68), Dst Port: bootps (67)
 Bootstrap Protocol

Frame 6 (342 bytes on wire, 342 bytes captured)
 Ethernet II, Src: Vmware_a3:b5:62 (00:0c:29:a3:b5:62), Dst: Broadcast (ff:ff:ff:ff:ff:ff) **MAC Address IP MAC Address Port**
 Internet Protocol Version 4, Src: 192.168.13.2 (192.168.13.2), Dst: 255.255.255.255 (255.255.255.255)
 User Datagram Protocol, Src Port: bootps (67), Dst Port: bootpc (68)
 Bootstrap Protocol

File: "C:\Documents and Settings\Administrator\..." Packets: 87 Deployed: 87 Marked: 0
 Start | Stop | File | Edit | View | Virtual Machine | Window | Help | 18120113_DHCPCap... 2:53 PM

3.1. Thông tin Default Gateway và DNS Server nằm trong gói tin nào ?

Thông tin Default Gateway và DNS Server nằm trong gói tin Offer và ACK.

The screenshot shows a sequence of 18 network packets captured in VMware Fusion. The traffic is between a client (VMware_a3:b5:62) and a server (VMware_22:45:7b). The client sends a DHCP Discover packet (packet 1), followed by a DHCP Offer from the server (packet 2). The client then sends a DHCP Request (packet 3), and the server responds with a DHCP ACK (packet 4). Subsequent packets show ARP requests and responses for the client's IP address. The DHCP options section of the ACK packet is highlighted with a red box, showing options for routers, domain name servers, and subnet mask.

No.	Time	Source	Destination	Protocol	Info
1	0.000000	0.0.0.0	255.255.255.255	DHCP	DHCP Discover - Transaction ID 0xd5f6fee0
2	0.000146	192.168.13.2	255.255.255.255	DHCP	DHCP Offer - Transaction ID 0xd5f6fee0
3	0.001975	0.0.0.0	255.255.255.255	DHCP	DHCP Request - Transaction ID 0xd5f6fee0
4	0.002364	192.168.13.2	255.255.255.255	DHCP	DHCP ACK - Transaction ID 0xd5f6fee0
5	0.002772	VMware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
6	0.019437	VMware_22:45:7b	Broadcast	ARP	Gratuitous ARP for 192.168.13.20 (Request)
7	0.964050	VMware_22:45:7b	Broadcast	ARP	Gratuitous ARP for 192.168.13.20 (Request)
8	1.963971	VMware_22:45:7b	Broadcast	ARP	Gratuitous ARP for 192.168.13.20 (Request)
9	1.995220	VMware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.20
10	2.977941	VMware_22:45:7b	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.20
11	3.041867	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
12	3.792272	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
13	3.995656	VMware_a3:b5:62	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.2
14	4.543224	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
15	4.964099	VMware_22:45:7b	Broadcast	ARP	who has 192.168.13.3? Tell 192.168.13.20
16	5.291303	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB SERVER2<00>
17	6.042845	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB WORKGROUP<00>
18	6.791643	192.168.13.20	192.168.13.255	NBNS	Registration NB WORKGROUP<00>

Your (Client) IP address: 192.168.13.20 (192.168.13.20)
 Next server IP address: 0.0.0.0 (0.0.0.0)
 Relay agent IP address: 0.0.0.0 (0.0.0.0)
 Client MAC address: VMware_22:45:7b (00:0c:29:22:45:7b)
 Server host name not given
 Boot file name not given
 Magic cookie: (OK)
 Option: (t=53, l=1) DHCP Message Type = DHCP ACK
 Option: (t=58, l=4) Renewal Time Value = 6 days, 12 hours
 Option: (t=59, l=4) Rebinding Time Value = 11 days, 9 hours
 Option: (t=51, l=4) IP Address Lease Time = 13 days
 Option: (t=54, l=4) Server Identifier = 192.168.13.2
 Option: (t=1, l=4) Subnet Mask = 255.255.255.0
 Option: (t=81, l=3) Client Fully qualified Domain Name
 Option: (t=3, l=4) Router = 192.168.13.1
 Option: (t=6, l=4) Domain Name Server = 192.168.13.3
 End option
 Padding

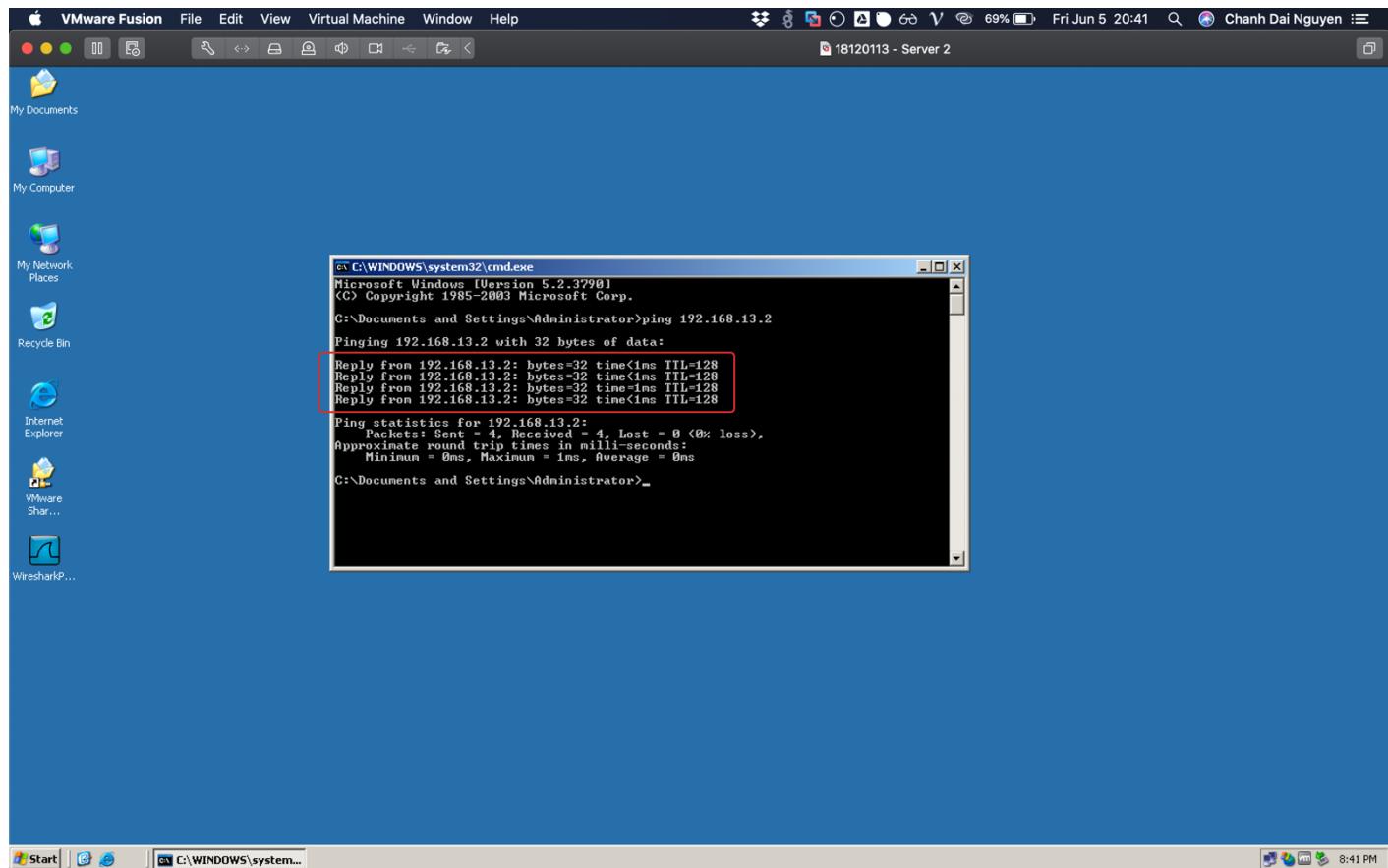
0120 08 99 c0 3b 04 00 0e ff 10 33 04 00 11 23 80 363...#.6
 0130 04 c0 a8 0d 02 01 04 ff ff ff 00 51 03 00 ff ffQ....
 0140 03 04 c0 a8 0d 01 06 04 c0 a8 0d 03 ff 00 00 00
 0150 00 00 00 00 00 00 00

Text item (), 6 bytes Packets: 87 Displayed: 87 Marked: 0 Profile: Default

Câu 4. Sử dụng 2 máy tính của bài tập 3, sau khi client đã có được thông tin TCP/IP được cấp phát với DHCP server, thực hiện các yêu cầu sau :

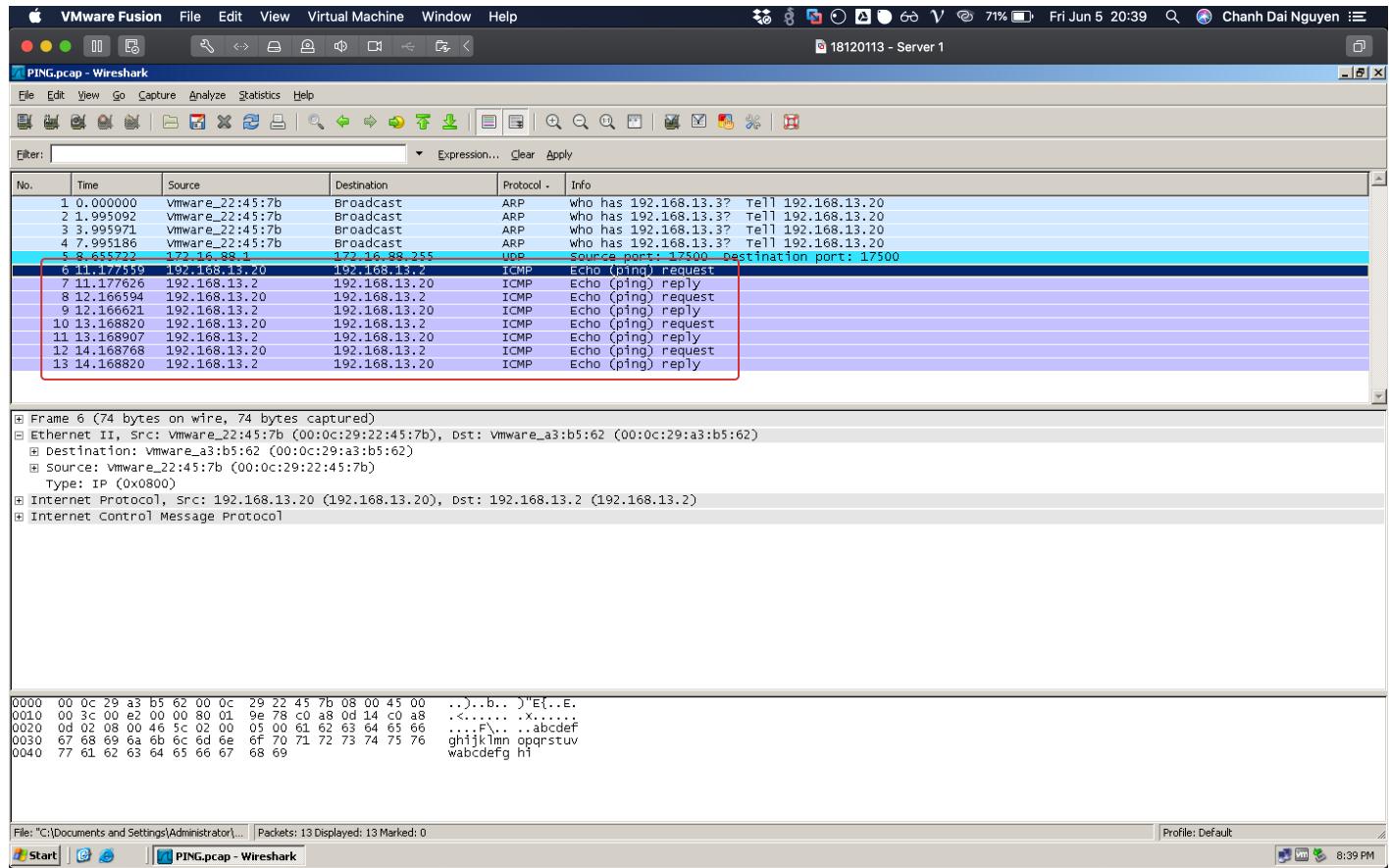
4 a. Thực hiện lệnh ping từ Client đến Server và dùng Wireshark để bắt các gói tin tương ứng.

Video quá trình thực hiện : <https://youtu.be/XVpPsWX879w>



4 b. Cho biết có bao nhiêu gói tin của quá trình thực hiện lệnh ping ?

Có 8 gói tin của quá trình thực hiện lệnh ping.



Bài Tập Thực Hành Wireshark

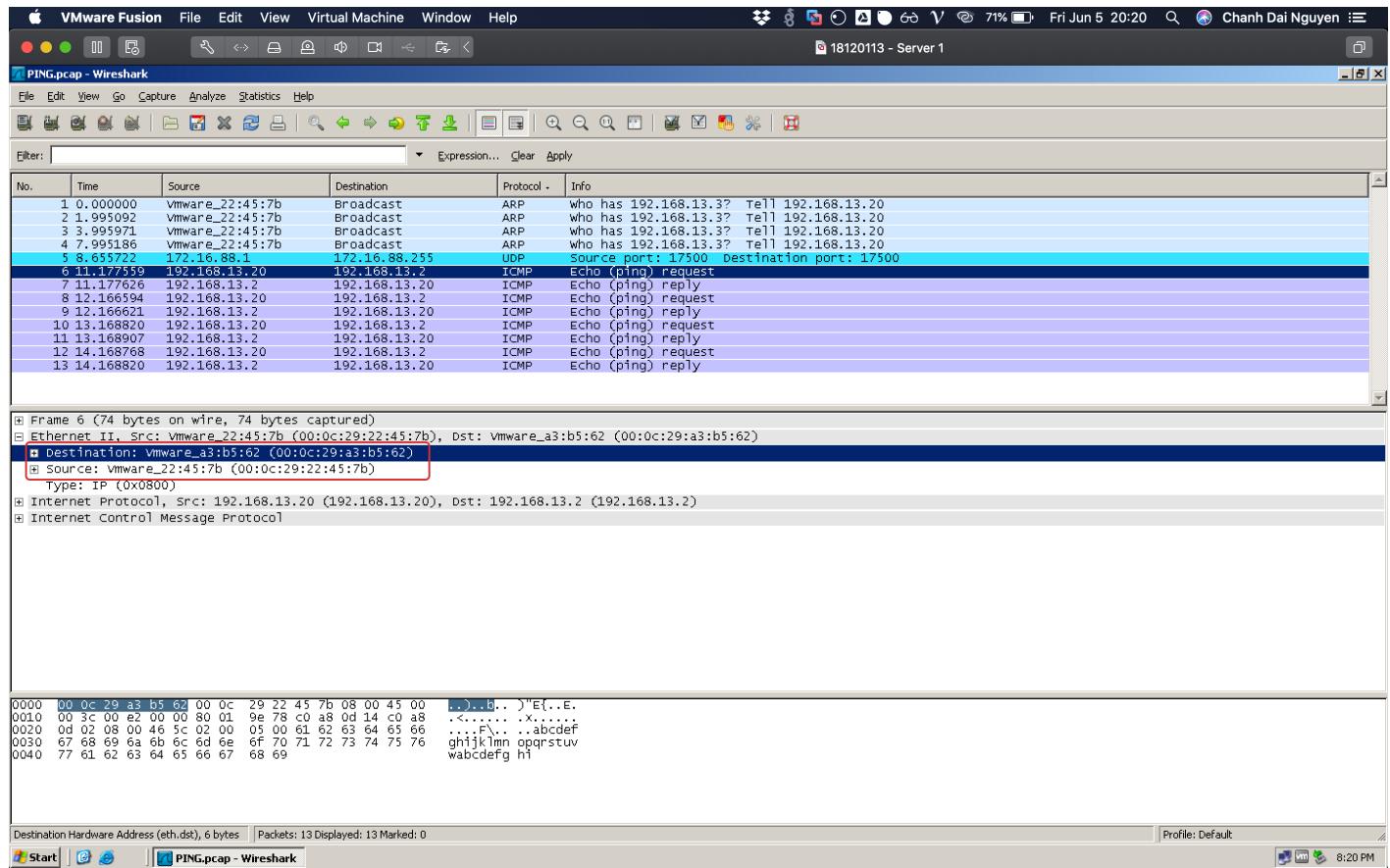
4 c. Địa chỉ MAC Nguồn, MAC Đích là gì ?

MAC Nguồn

00:0c:29:22:45:7b

MAC Đích

00:0c:29:a3:b5:62



Bài Tập Thực Hành Wireshark

4 d. Địa chỉ IP Nguồn, IP Đích là gì ?

IP Nguồn

192.168.13.20

IP Đích

192.168.13.2

The screenshot shows a Wireshark session titled "PING.pcap". The packet list pane displays 13 ICMP Echo requests and replies. The selected packet (Frame 6) is highlighted in blue. The details pane shows the ICMP frame structure with fields like Version: 4, Header length: 20 bytes, Differentiated Services Field: 0x00 (DSCP 0x00: Default; ECN: 0x00), Total Length: 60, Identification: 0xe0e2 (226), Flags: 0x00, Fragment offset: 0, Time to Live: 128, Protocol: ICMP (0x01), and Header checksum: 0x9e78 [correct]. The bytes pane shows the raw hex and ASCII data of the ICMP frame. A red box highlights the "Source: 192.168.13.20 (192.168.13.20)" and "Destination: 192.168.13.2 (192.168.13.2)" fields in the details pane.

Bài Tập Thực Hành Wireshark

4 e. Nội dung phần data của gói tin ICMP là gì ?

Data của gói tin ICMP : 6162636465666768696A6B6C6D6E6F707172737475767761...

The screenshot shows the Wireshark interface with several network packets listed in the main pane. The selected packet is the 13th one, an ICMP Echo Request (ping) from 192.168.13.20 to 192.168.13.2. The details pane displays the ICMP header fields: Total Length: 60, Identification: 0x00e2 (226), Flags: 0x00, Fragment offset: 0, Time to live: 128, Protocol: ICMP (0x01). It also shows the header checksum: 0x9e78 [correct], source: 192.168.13.20 (192.168.13.20), destination: 192.168.13.2 (192.168.13.2). The Internet Control Message Protocol section indicates it's an echo (ping) request. The data pane shows the raw data bytes of the ICMP message, which is the string "6162636465666768696A6B6C6D6E6F707172737475767761...". This data is highlighted with a red rectangle.

--- Hết ---